

## BÁO CÁO

### tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025)

-----

Thực hiện Công văn số 07-CV/TBĐLĐ ngày 28/11/2023 của Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV của Đảng về hướng dẫn tổng kết, xây dựng báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng (2011 - 2025), Tỉnh ủy Bắc Giang báo cáo kết quả 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng trong Đảng bộ tỉnh như sau:

#### A- KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

Bắc Giang là tỉnh miền núi phía Bắc, có diện tích tự nhiên 3.895 km<sup>2</sup>, gồm 08 huyện, 01 thành phố, 01 thị xã và 209 xã, phường, thị trấn; dân số khoảng 2 triệu người. Đảng bộ tỉnh hiện có 14 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (08 đảng bộ huyện, 01 đảng bộ thị xã, 01 đảng bộ thành phố và 04 đảng bộ tương đương cấp huyện); có 581 tổ chức cơ sở đảng (349 đảng bộ cơ sở, 232 chi bộ cơ sở) và 4.343 tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ cơ sở (4.336 chi bộ trực thuộc, 07 đảng bộ bộ phận); với 89.455 đảng viên.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết nhất trí, nỗ lực phấn đấu, tích cực đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, vượt qua tình trạng chậm phát triển, trở thành tỉnh phát triển khá toàn diện và năng động với nhiều chỉ số, lĩnh vực dẫn đầu khu vực Trung du, miền núi phía Bắc. Đặc biệt năm 2023, là tỉnh có tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) đạt **13,45%**, đứng đầu cả nước; quy mô GRDP đạt **181,9** nghìn tỷ đồng, đứng đầu các tỉnh trung du và miền núi Bắc bộ; toàn tỉnh thu hút đầu tư hơn **3,3** tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, trong đó thu hút FDI đạt trên **3** tỷ USD, đứng thứ 4 cả nước.

Kinh tế duy trì phát triển và đạt mức tăng trưởng cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa. Hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư nâng cấp, cải tạo, từng bước đồng bộ, nhất là về giao thông; phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới có nhiều khởi sắc. Lĩnh vực văn hoá, xã hội có nhiều tiến bộ; các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, hộ nghèo được chăm lo; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, xây dựng ngày càng vững mạnh; quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy; đoàn kết trong Đảng được tăng cường, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, với chế độ được nâng lên; tạo đồng thuận cao trong xã hội. Vị thế và uy tín của tỉnh Bắc

Giang ngày càng được khẳng định và tạo tiền đề cho Bắc Giang tiếp tục đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm tới.

## **B- KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

### **I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, CỤ THỂ HÓA ĐIỀU LỆ ĐẢNG VÀ QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

#### **1. Công tác nghiên cứu, quán triệt**

Ngay sau khi Trung ương ban hành Điều lệ Đảng (khóa XI) và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng (khóa XI, XII, XIII)<sup>1</sup>; Tỉnh ủy đã ban hành kế hoạch và tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; thành phần dự hội nghị ở tỉnh gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn; lãnh đạo các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh; bí thư, phó bí thư thường trực, trưởng, phó ban tổ chức, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chánh văn phòng cấp ủy cấp huyện. Sau Hội nghị cấp tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt, triển khai Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; đồng thời chỉ đạo cấp ủy cơ sở tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai đến đảng viên theo quy định.

Nhìn chung, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng. Sau khi được phổ biến, quán triệt, nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên, nhất là đội ngũ cấp ủy viên cơ sở đã nắm vững hơn về quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; hiểu sâu hơn về nghiệp vụ công tác đảng, đảng viên; nắm vững các nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng, về tổ chức và sinh hoạt đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã rà soát bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc để thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.

*Tuy nhiên*, công tác quán triệt, học tập, nghiên cứu ở một số cấp ủy còn hạn chế; một số tổ chức cơ sở đảng (TCCSD) và một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nghiên cứu kỹ quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, nhận thức còn hạn chế, dẫn đến việc tổ chức thực hiện nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng ở một số chi bộ, đảng bộ cơ sở còn lúng túng, dễ xảy ra sai sót.

<sup>1</sup> Khóa XI: Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 05/01/2012 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

Khóa XII: Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

Khóa XIII: Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

## 2. Việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện Điều lệ Đảng

Thực hiện quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương; Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa các nội dung trong quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng để triển khai thực hiện trong Đảng bộ tỉnh. Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy ban hành các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã chủ động xây dựng, ban hành các văn bản để cụ thể hóa, triển khai thực hiện quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. *Tuy nhiên*, việc xây dựng các văn bản cụ thể hóa của một số cấp ủy, tổ chức đảng có nội dung còn chậm, chất lượng có mặt còn hạn chế, nhất là việc xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, quy chế làm việc của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, quy chế làm việc của đảng ủy bộ phận...

## II. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

### 1. Phần mở đầu (*Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng*)

Phần mở đầu của Điều lệ Đảng có ý nghĩa rất quan trọng, trình bày khái niệm đầy đủ về Đảng, xác định rõ bản chất của Đảng mà đảng viên cần nghiên cứu. Trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh thường xuyên quán triệt, triển khai những nội dung trong phần mở đầu về Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng đến cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ bằng nhiều hình thức phù hợp, bảo đảm hiệu quả. Qua đó, đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về tôn chỉ, mục đích, bản chất giai cấp, nền tảng tư tưởng của Đảng, các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động của Đảng; những nội dung trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; từ đó, mỗi đảng viên hiểu sâu sắc và nâng cao ý thức tự giác chấp hành các quy định của Điều lệ Đảng, bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, bản chất giai cấp, nguyên tắc, tổ chức, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng.

### 2. Về đảng viên (*Chương I*)

#### 2.1. Tiêu chuẩn của đảng viên và điều kiện để được xét kết nạp vào Đảng:

Căn cứ Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện đúng các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét kết nạp vào Đảng; những quần chúng ưu tú được các cấp ủy, tổ chức đảng xem xét, kết nạp vào Đảng đều bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Kết quả từ năm 2011 đến hết năm 2023, toàn Đảng bộ tỉnh kết nạp được 32.562 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp được trên 2.500 đảng viên. Sau khi được kết nạp vào Đảng, các đảng viên cơ bản chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phục tùng sự phân công, điều động của Đảng; tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực

công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện cơ hội, vụ lợi, tiêu cực.

**2.2. Quyền, nhiệm vụ của đảng viên, đảng viên dự bị:** Trong những năm qua, đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ tỉnh đã thực hiện nghiêm túc 04 nhiệm vụ và 04 quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Đảng viên dự bị đã thực hiện đầy đủ các quyền như đảng viên chính thức trừ quyền biểu quyết, ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

Nhìn chung, cấp ủy, chi bộ thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên, bảo đảm mọi đảng viên trong chi bộ đều được phân công nhiệm vụ (*trừ đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt*). Đảng viên ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp thực hiện phân công nhiệm vụ cho đảng viên gắn với nhiệm vụ chuyên môn được giao; đảng viên ở khu dân cư thực hiện phân công phụ trách hộ gia đình hoặc cụm dân cư để bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa đảng viên với quần chúng nhân dân.

**2.3. Về thủ tục, quy trình, thẩm quyền kết nạp đảng viên, kết nạp lại:** Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã thực hiện nghiêm túc về thủ tục, quy trình, thẩm quyền kết nạp đảng viên, kết nạp lại (riêng đối với những trường hợp kết nạp lại vào Đảng phải có sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi ban thường vụ cấp ủy cấp huyện quyết định kết nạp lại vào Đảng); kết nạp đảng ở những nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu người vào Đảng; kết nạp người dân tộc và người theo đạo; kết nạp đảng trong Quân đội, Công an, doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước; kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng; kết nạp đảng viên trong học sinh, sinh viên. Đặc biệt, từ năm 2014 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn về kết nạp đảng viên trong học sinh các trường phổ thông trung học trên địa bàn tỉnh, kết quả từ năm 2014 đến nay toàn tỉnh đã kết nạp được **495** học sinh vào Đảng.

**2.4. Về thời gian dự bị, tuổi đảng của đảng viên** thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng; đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật khiển trách, cảnh cáo trong thời gian dự bị, đảng viên đi làm ăn xa đều được xét chuyên đảng chính thức đúng quy định, không có trường hợp cho kéo dài thời gian dự bị. Thủ tục, thẩm quyền, quy trình xét, công nhận đảng viên chính thức; xóa tên đảng viên; cho đảng viên ra khỏi Đảng được thực hiện theo đúng quy định. Việc tính tuổi đảng của đảng viên đã được công nhận chính thức thực hiện từ khi có Điều lệ Đảng khóa XI đến nay được tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp (*thời điểm trước khi có Điều lệ Đảng khóa XI, tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày được công nhận đảng viên chính thức*).

**2.5. Công tác cấp phát, quản lý thẻ đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên** đã được các cấp ủy kịp thời quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng thủ tục, quy trình theo quy định; hằng năm, các đảng viên có thay đổi thông tin trong hồ sơ đảng viên đều phải khai và nộp



phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên theo quy định; cấp ủy cơ sở trực tiếp quản lý hồ sơ đảng viên có trách nhiệm bổ sung những thay đổi vào lý lịch, hồ sơ đảng viên theo quy định. Sau khi đảng viên được công nhận đảng viên chính thức, chi bộ, cấp ủy cơ sở, cấp ủy cấp huyện đã kịp thời đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy cấp, phát thẻ cho đảng viên quản lý, sử dụng theo quy định; việc chuyển sinh hoạt đảng tạm thời, chính thức được thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương.

**2.6. Việc quản lý sinh hoạt đảng, miễn công tác và sinh hoạt đảng đối với đảng viên** được các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc theo quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng. Việc quản lý sinh hoạt đảng của đảng viên được quan tâm thực hiện trong sinh hoạt chi bộ định kỳ hằng tháng; trước khi tổ chức sinh hoạt, đồng chí bí thư chi bộ thực hiện việc kiểm diện đảng viên dự họp, nếu đảng viên vắng họp phải có lý do chính đáng và báo cáo trước với chi ủy. Đảng viên đi làm kinh tế xa nơi cư trú, xuất khẩu lao động, đi tham quan, du lịch ở nước ngoài được hướng dẫn thủ tục báo cáo, chuyển sinh hoạt đảng và ghi sổ theo dõi, quản lý gắn với công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đảng viên tuổi cao, sức khỏe yếu, tự nguyện làm đơn được chi bộ xem xét để miễn công tác và sinh hoạt đảng; đảng viên đi làm việc xa nơi cư trú, công việc không ổn định trong thời gian ngắn, báo cáo chi bộ xem xét, báo cáo cấp ủy cơ sở xét cho tạm miễn sinh hoạt đảng. Đảng viên đang công tác ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang được giới thiệu giữ mối liên hệ với cấp ủy, tổ chức đảng và Nhân dân ở nơi cư trú theo Quy định số 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 và Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị, qua đó góp phần thực hiện tốt công tác nhận xét, đánh giá khi tiến hành bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, khen thưởng, kỷ luật, xếp loại cán bộ, đảng viên.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về đảng viên:**

- Công tác phát triển đảng viên ở khu vực nông thôn gặp nhiều khó khăn do phần lớn thanh niên đi làm kinh tế xa nhà, không có nguồn để kết nạp vào Đảng.

- Công tác phát triển đảng viên, tổ chức đảng ở các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước chưa tương xứng với số lượng công nhân, lao động trong doanh nghiệp do nhận thức của nhiều chủ doanh nghiệp về vị trí, vai trò của đảng viên và tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp còn hạn chế, lo sợ việc phát triển đảng viên và thành lập tổ chức đảng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh nên chưa ủng hộ, chưa tạo điều kiện để phát triển đảng viên và thành lập tổ chức đảng trong doanh nghiệp.

- Việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên ở một số chi bộ thôn, tổ dân phố có đông đảng viên là cán bộ nghỉ hưu, tuổi cao và việc theo dõi, quản lý, đánh giá thực hiện nhiệm vụ đối với đảng viên đi làm kinh tế xa nhà gặp nhiều khó khăn.

- Điều lệ Đảng quy định đảng viên phải trải qua thời kỳ dự bị 12 tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Việc áp dụng quy định này ở một số cấp ủy, tổ chức

đảng không thống nhất về thời gian đối với các trường hợp đảng viên dự bị bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo nhưng chưa đến mức xoá tên trong danh sách khi xem xét công nhận đảng viên chính thức.

- Quy định về thủ tục, điều kiện xem xét quyết định miễn, giảm sinh hoạt đảng cho đảng viên còn có nội dung chưa đầy đủ, dẫn đến khó khăn khi thực hiện; thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chưa chặt chẽ, quy định hiện nay giao cho đảng viên mang hồ sơ lý lịch của mình đến nơi chuyển sinh hoạt đảng đến, dẫn đến có đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu, quân nhân xuất ngũ không nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng về nơi cư trú, phải xoá tên khỏi danh sách đảng viên.

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về đảng viên:** Đề nghị Trung ương có quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về việc chuyển đảng chính thức đối với trường hợp đảng viên dự bị bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo nhưng chưa đến mức xoá tên; về công tác quản lý đảng viên đối với đảng viên đi làm xa, không có điều kiện về tham gia sinh hoạt đảng; về thủ tục, điều kiện xem xét quyết định miễn, giảm sinh hoạt đảng cho đảng viên. Sửa đổi quy định việc chuyển sinh hoạt đảng chính thức của đảng viên theo hướng giao cho cấp ủy, tổ chức đảng nơi chuyển đi có trách nhiệm chuyển hồ sơ lý lịch của đảng viên đến tổ chức cơ sở đảng nơi đến để làm thủ tục tiếp nhận sinh hoạt đảng.

### **3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng (Chương II)**

**3.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong Đảng bộ tỉnh** đã thực hiện nghiêm túc 06 nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ theo quy định của Điều lệ Đảng. Ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở đã ban hành quy chế làm việc, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của tập thể cấp ủy, cá nhân cấp ủy viên; quy định lề lối làm việc, mối quan hệ công tác giữa cấp ủy với các tổ chức trong hệ thống chính trị và các cơ quan, đơn vị liên quan; phát huy dân chủ, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Các cấp ủy đã xây dựng và thực hiện nghiêm chương trình công tác toàn khoá và hằng năm bảo đảm tính chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo trên các lĩnh vực công tác của địa phương, đơn vị. Quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; không có tình trạng cấp ủy, tổ chức đảng bao biện làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị.

**3.2. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng** được các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh nghiêm túc thực hiện. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp ủy đều được đưa ra bàn bạc, thảo luận dân chủ, cởi mở; các ý kiến tham gia thẳng thắn, mang tính chất xây dựng; nghị quyết của cấp ủy được ban hành theo nguyên tắc đa số quá bán số thành viên nhất trí biểu quyết. Trong quá trình thực hiện, các cấp ủy tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng; do đó, nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng bộ tỉnh luôn được thực

hiện bảo đảm theo quy định của Điều lệ Đảng.

**3.3. Về thực hiện tự phê bình và phê bình:** Các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh đã thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đồng thời, để cụ thể hóa tự phê bình và phê bình gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 624-CV/TU ngày 01/3/2017 và Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 30/8/2021 về kiểm điểm, tự phê bình và phê bình các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; trong đó, yêu cầu trong sinh hoạt đảng hằng tháng, chi bộ tổ chức để đảng viên kiểm điểm, tự phê bình và phê bình những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; chi ủy gợi ý kiểm điểm đối với đảng viên nếu thấy có biểu hiện vi phạm. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, cấp ủy cấp trên thực hiện nghiêm việc gợi ý kiểm điểm sâu đối với tập thể và cá nhân cán bộ, đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý có biểu hiện suy thoái, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoàn thành nhiệm vụ đạt kết quả thấp. Sau kiểm điểm, yêu cầu các tập thể, cá nhân cán bộ, đảng viên có kế hoạch, biện pháp sửa chữa, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm. Qua đó, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy và hiệu quả công tác của cán bộ, đảng viên; tăng cường đoàn kết nội bộ; tạo sự chuyển biến cả về nhận thức và hành động, góp phần thúc đẩy hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

**3.4. Về lập tổ chức của Đảng tương ứng với tổ chức hành chính của Nhà nước; tổ chức cơ sở đảng tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc đơn vị công tác:** Thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về việc thành lập, sắp xếp hệ thống tổ chức của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy rà soát, sắp xếp, thành lập các tổ chức đảng tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, đơn vị kinh tế theo đúng quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ quan, đơn vị, bảo đảm nâng cao chất lượng hoạt động. Ở khu vực dân cư, mô hình tổ chức đảng được sắp xếp thống nhất theo hướng: Dưới đảng bộ xã là các chi bộ thôn; dưới đảng bộ phường là các chi bộ tổ dân phố; dưới đảng bộ thị trấn là các chi bộ thôn, tổ dân phố. Ở các đơn vị có tính đặc thù (Đảng bộ Các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn mô hình các tổ chức đảng phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể và yêu cầu công tác. Việc thành lập, sắp xếp tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh thời gian qua là phù hợp, phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực công tác của đời sống xã hội, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

**3.5. Quy định về bầu cử trong Đảng:** Căn cứ Quy chế bầu cử trong Đảng<sup>2</sup>, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng đường lối, chủ trương của Đảng, sự lãnh đạo của cấp ủy cấp trên. Quy chế bầu cử trong Đảng đã quy định rõ các quyền ứng cử, đề cử, bầu cử của đảng viên, nhất là cấp ủy viên các cấp; trình tự, thủ tục bầu cử; nhiệm vụ của các tổ chức phụ trách bầu cử; thảo luận và biểu quyết thông qua danh sách bầu cử; hình thức bầu cử; cách tính kết quả bầu cử... Quy chế đã bảo đảm thuận lợi trong việc tổ chức thực hiện việc bầu cử; đa số đại hội (hội nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy) các cấp bầu một lần đủ số lượng, phiếu bầu tập trung cao, bảo đảm sự thành công của đại hội (hội nghị).

**3.6. Về đại hội Đảng:** Thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương về đại hội đảng bộ các cấp mỗi nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng đồng bộ các văn bản để triển khai thực hiện. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện bảo đảm chuẩn bị tốt nhân sự đại hội đảng và nhân sự kiện toàn bổ sung cấp ủy giữa nhiệm kỳ với tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chất lượng theo quy định. Mỗi nhiệm kỳ, đội ngũ cấp ủy viên các cấp trong Đảng bộ tỉnh đã bảo đảm sự đổi mới, kế thừa, phát triển và có chất lượng cao hơn so với nhiệm kỳ trước. Đại biểu dự đại hội ở mỗi cấp được phân bổ theo số lượng đảng viên, số lượng tổ chức đảng trực thuộc và tính chất quan trọng của từng loại hình tổ chức đảng ở các ngành, lĩnh vực cụ thể, bảo đảm số lượng, cơ cấu hợp lý. Việc nhận bàn giao và điều hành công việc của cấp ủy khóa mới; thẩm quyền bổ sung cấp ủy viên thiếu và chỉ định tăng thêm cấp ủy viên; thẩm quyền điều động cấp ủy viên và tỷ lệ cấp ủy viên tối đa được điều động trong tổng số cấp ủy viên do đại hội bầu; thẩm quyền, thủ tục cho cấp ủy viên xin rút khỏi cấp ủy, cho thôi cấp ủy viên; việc chỉ định cấp ủy viên ở những tổ chức đảng được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ được thực hiện bảo đảm đúng quy trình, quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

**3.7. Tổ chức, hoạt động và mối quan hệ công tác của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy:** Thực hiện các quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy tỉnh, huyện<sup>3</sup>, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy; đồng thời, chỉ đạo

<sup>2</sup> Nhiệm kỳ 2010-2015 thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 220-QĐ/TW ngày 17/4/2009 của Bộ Chính trị khoá X; nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025 thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW ngày 09/6/2014 của Bộ Chính trị khoá XI.

<sup>3</sup> Quy định số 219-QĐ/TW ngày 27/12/2013, Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018, Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

Quy định số 220-QĐ/TW ngày 27/12/2013, Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

ban thường vụ cấp ủy cấp huyện ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp huyện. Căn cứ quy định của Trung ương, của tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện đã ban hành quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng:**

- Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong tổ chức và hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng có nội dung chưa được quy định cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế, nhất là về mối quan hệ, trách nhiệm giữa tập thể, cá nhân và người đứng đầu, nên khó xác định trách nhiệm của cá nhân khi xảy ra sai phạm.

- Một bộ phận đảng viên, cấp ủy viên chưa nắm vững và chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên và của cấp ủy viên.

- Việc thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình còn gặp khó khăn, vướng mắc, nhất là việc tự phê bình và phê bình những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.

- Việc thành lập tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn gặp khó khăn. Hoạt động của một số tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước còn lúng túng, hình thức, chưa thể hiện rõ vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở (nhất là ở những nơi mà chủ doanh nghiệp chưa là đảng viên).

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:** Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành hướng dẫn cụ thể hơn việc thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” đối với đảng viên, nhất là những tiêu chí cụ thể, cách thức tổ chức thực hiện để nhận diện, phát hiện được đảng viên suy thoái.

Cần có quy định rõ việc các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước có đủ điều kiện thành lập tổ chức đảng thì khuyến khích thành lập tổ chức đảng và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức đảng hoạt động.

#### **4. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương**

**4.1. Về đại hội đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện:** Căn cứ chỉ thị của Bộ Chính trị và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về đại hội đảng các cấp, Tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện và tương đương đã xây dựng kế hoạch đại hội cấp mình, kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn đại hội cấp dưới; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, chuẩn bị và tổ chức đại hội. Báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm trình đại hội được chuẩn bị chu đáo, có chất lượng, đánh giá khái quát và bảo đảm sát đúng với tình hình của đảng bộ; đề ra phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp có tính

khả thi và quyết tâm chính trị cao trong nhiệm kỳ mới. Công tác nhân sự được chuẩn bị kỹ lưỡng; số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, ủy viên UBKT từng cấp và cơ cấu, số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ bảo đảm hợp lý. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ sau đại hội và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

**4.2. Về nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư cấp ủy; quy chế làm việc và chế độ sinh hoạt của từng tổ chức:** Thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, các cấp ủy đã kịp thời ban hành quy chế làm việc ngay sau khi tổ chức thành công đại hội đảng từng nhiệm kỳ; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và cá nhân các đồng chí cấp ủy viên; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc để bảo đảm đúng quy định và phù hợp với thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Các cấp ủy đảng đã duy trì thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc theo quy chế đã ban hành; phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận, bàn bạc và quyết định các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Việc phân công trách nhiệm cho các tổ chức và cá nhân không để xảy ra chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm, bảo đảm phát huy được năng lực của từng đồng chí cấp ủy viên; tính chủ động trong quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; vai trò giám sát, phản biện của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Chế độ hội họp, giao ban được cấp ủy các cấp duy trì nghiêm túc, bảo đảm vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, thống nhất của các cấp ủy, tổ chức đảng.

Việc xây dựng quy chế làm việc đã căn cứ vào Điều lệ Đảng; quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng hiện hành; quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện; trong đó, đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân; mối quan hệ công tác, nguyên tắc và chế độ sinh hoạt, nhằm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Quy chế làm việc đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ; tăng cường phân công, phân cấp, ủy quyền; quy định chặt chẽ, cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn xử lý công việc, đây là cơ sở để cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy thực hiện. Trong những năm qua, cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện và cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cơ sở đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và duy trì thực hiện nghiêm quy chế làm việc đã ban hành.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương:**

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương là: Theo quy định xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy; tuy nhiên, theo Quy định số 66-QĐ/TW ngày 06/02/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng thì chi bộ cơ sở và chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ

sở không có thẩm quyền ban hành quy chế; đồng thời, đối với các chi bộ (cả chi bộ cơ sở), thì có chi bộ có chi ủy, có chi bộ không có chi ủy; do vậy việc xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy hay quy chế làm việc của chi bộ (*đối với chi bộ không có chi ủy*), hay chi bộ không có chi ủy có phải xây dựng quy chế không là chưa thống nhất.

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:** Đề nghị Trung ương nghiên cứu, quy định rõ việc xây dựng quy chế làm việc đối với các chi bộ có chi ủy, chi bộ không có chi ủy.

## 5. Về tổ chức cơ sở đảng

**5.1. Vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng; nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ):** Căn cứ các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình TCCSĐ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt và cụ thể hóa các quy định của Trung ương vào tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Để cụ thể hóa việc thi hành các quy định về TCCSĐ và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ trong Đảng bộ tỉnh, từ năm 2011 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành: Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29/4/2011 về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 74-NQ/TU ngày 10/5/2016 về tiếp tục nâng cao chất lượng TCCSĐ và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 107-NQ/TU ngày 07/6/2021 về nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021-2025 với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, có tính khả thi. Trên cơ sở đó, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc điểm của các loại hình TCCSĐ trực thuộc; qua đó, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, chức năng của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

Nhìn chung, các TCCSĐ trong Đảng bộ tỉnh đã chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về mọi mặt; lãnh đạo xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng vững mạnh; liên hệ mật thiết với Nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân; kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng.

**5.2. Về đại hội cấp cơ sở, số lượng cấp ủy viên của đảng bộ cơ sở, số lượng đảng viên tối thiểu để lập đảng bộ cơ sở:** Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy cấp huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo các TCCSĐ tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm kỳ 2020 - 2025 bảo đảm thành công.

Việc lập đảng bộ cơ sở đều bảo đảm **30** đảng viên chính thức trở lên. Qua thực tiễn chỉ đạo đại hội cấp cơ sở theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương, các nội dung của đại hội cấp cơ sở, số lượng cấp ủy viên của đảng bộ cơ sở là phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

**5.3. Về lập cơ cấu tổ chức ở các tổ chức đảng có đặc điểm khác nhau; tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của đảng bộ bộ phận:** Việc lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên đối với các tổ chức đảng ở thôn, tổ dân phố là phù hợp, vì hiện nay các chi bộ thôn, tổ dân phố trong Đảng bộ tỉnh cơ bản có trên **30** đảng viên, trong đó chi bộ tổ dân phố nhiều đảng viên nhất là **172** đồng chí. Đảng bộ tỉnh hiện có **07** đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở; các đảng bộ bộ phận đã thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng ủy cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên để báo cáo đảng ủy cơ sở.

**5.4. Về chế độ sinh hoạt của chi ủy, chi bộ, đảng ủy, đảng bộ cơ sở:** Thực hiện quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, trong những năm qua, các chi ủy, chi bộ, đảng ủy, đảng bộ cơ sở trong Đảng bộ tỉnh đã duy trì thực hiện chế độ sinh hoạt đảng theo đúng quy định. Các chi ủy, chi bộ, đảng ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng 01 lần, họp bất thường khi cần. Các đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần vào dịp sơ kết đánh giá công tác 6 tháng đầu năm và tổng kết công tác cuối năm, họp bất thường khi cần thiết.

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn về đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Hướng dẫn sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề. Các chi bộ đã duy trì sinh hoạt nền nếp; nội dung sinh hoạt được chi ủy thảo luận, thống nhất trước khi đưa ra sinh hoạt chi bộ. Trong sinh hoạt đã phát huy dân chủ, trí tuệ của tập thể chi bộ và từng đồng chí đảng viên; các vấn đề mới, khó khăn được thảo luận, phân tích kỹ để thống nhất trước khi biểu quyết trở thành nghị quyết của chi bộ. Các chi bộ đã chú trọng lựa chọn những vấn đề trọng tâm, khó khăn, phức tạp để tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề, bàn biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết.

**5.5. Về hình thức sinh hoạt chi bộ, nhất là ở các chi bộ có đông đảng viên:** Hầu hết các chi bộ trong Đảng bộ tỉnh tổ chức sinh hoạt chi bộ theo hình thức tập trung vào ngày **3** hằng tháng. Thực hiện Hướng dẫn số 03-HD/TW ngày 27/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thí điểm sinh hoạt đảng trực tuyến ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính chất đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt và sinh hoạt đảng theo tổ đảng ở chi bộ đông đảng viên; căn cứ tình hình thực tế của Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo lựa chọn **10** chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có từ **50** đảng viên trở lên và có thành lập tổ đảng để thực hiện thí điểm sinh hoạt



đảng theo tổ đảng. Đảng bộ tỉnh không có chi, đảng bộ đủ điều kiện thí điểm sinh hoạt đảng trực tuyến ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính chất đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt.

**5.6. Về nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận; ủy quyền cho đảng ủy cơ sở được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên:** Đảng bộ tỉnh Bắc Giang không thực hiện việc ủy quyền cho đảng ủy cơ sở được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên. Nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng: 05 năm 2 lần.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tổ chức cơ sở đảng:**

- Hiện nay, biên chế chuyên trách làm công tác Đảng ở đảng ủy xã, phường, thị trấn theo quy định chỉ có 02 người là bí thư và phó bí thư thường trực đảng ủy; không có cán bộ chuyên trách làm công tác tham mưu, giúp việc đảng ủy; do đó ảnh hưởng đến chất lượng công tác tham mưu ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy xã, phường, thị trấn.

- Hoạt động của đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp cấp huyện còn lúng túng, gặp khó khăn, do hiện nay chưa có văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp huyện, thành phố, thị xã trực thuộc huyện ủy, thành ủy, thị ủy.

- Hiện nay Trung ương chưa có quy định về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận, nên trong hoạt động của đảng bộ còn vướng mắc, hiệu quả chưa cao.

- Chất lượng sinh hoạt chi bộ ở những chi bộ thôn, tổ dân phố có đông đảng viên còn hạn chế, khó khăn do cơ sở vật chất, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố ở một số nơi chật hẹp (*Đảng bộ tỉnh có một số chi bộ thôn, tổ dân phố có trên 100 đảng viên*).

- Việc sinh hoạt định kỳ mỗi năm hai lần đối với đảng bộ cơ sở còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các đảng bộ có đông đảng viên (*tỉnh Bắc Giang có một số đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn có đông đảng viên, có đảng bộ trên 1.000 đảng viên*).

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:** Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận; quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; quy định về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp huyện, thành phố trực thuộc huyện ủy, thành ủy, thị ủy để thống nhất thực hiện trong toàn Đảng, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng. Nghiên cứu sửa đổi nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở 5 năm một lần để đồng bộ, thống nhất với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức cơ sở đảng.

## 6. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam

**6.1. Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội, Công an:** Qua thực hiện quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo Điều lệ Đảng như hiện nay đã bảo đảm hợp lý, đồng bộ, thống nhất và phù hợp với tình hình thực tiễn. Các quy định đã khẳng định sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong công tác quốc phòng - an ninh ở địa phương. Trong những năm qua, cơ quan chính trị cấp trên đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang ở địa phương.

**6.2. Hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội và Công an từ Trung ương đến cơ sở:** Đảng bộ Quân sự tỉnh hiện có **05** đảng bộ cơ sở ở các phòng, đơn vị trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh với **456** đảng viên; ở cấp huyện có **10** đảng bộ cơ sở quân sự huyện, thành phố, thị xã trực thuộc cấp ủy cấp huyện, với **438** đảng viên. Các tổ chức đảng trong quân đội trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm quy định của Đảng về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam<sup>4</sup> và các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong quân đội. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong đảng bộ quân đội luôn nhận thức sâu sắc, nhất quán quan điểm Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân; tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với Nhân dân. Tổ chức đảng trong đơn vị quân đội được lập tương ứng với tổ chức biên chế của đơn vị<sup>5</sup>. Đảng bộ Quân sự tỉnh đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Tỉnh ủy, đồng thời chấp hành nghị quyết của Đảng ủy Quân khu 1 về nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự địa phương. Đảng bộ quân sự huyện, thành phố, thị xã đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của huyện ủy, thành ủy, thị ủy; đồng thời chấp hành nghị quyết của Đảng ủy Quân sự tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự địa phương. Các chi thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên được quán triệt, triển khai và thực hiện nghiêm túc. Mỗi đảng viên trong đảng bộ quân đội, nhất là đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo chỉ huy đã nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu, giữ gìn đoàn kết, thống nhất, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảng viên trong đảng bộ quân đội đều có lập trường tư tưởng kiên định, vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kỷ luật Quân đội.

Đảng bộ Công an tỉnh hiện có **26** chi, đảng bộ cơ sở ở các phòng, đơn vị trực thuộc Công an tỉnh, với **1.090** đảng viên; ở cấp huyện có **10** đảng bộ cơ sở công an huyện, thành phố, thị xã trực thuộc huyện ủy, thành ủy, thị ủy với **121** chi bộ

<sup>4</sup> Quy định số 49-QĐ/TW ngày 21/11/2011, Quy định số 59-QĐ/TW ngày 22/12/2016, Quy định số 49-QĐ/TW ngày 22/12/2021 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

<sup>5</sup> Riêng ở xã, phường, thị trấn của tỉnh Bắc Giang, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập chi bộ quân sự xã trên địa bàn tỉnh hoàn thành trong quý I/2024 theo tinh thần Hướng dẫn số 24-HD/BTCTW ngày 20/9/2023 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về tổ chức và hoạt động của chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn.

trực thuộc và 1.036 đảng viên; ở cấp xã có 209 chi bộ công an xã, phường, thị trấn trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn, với 1.019 đảng viên. Các tổ chức đảng trong công an đã thực hiện nghiêm quy định của Đảng về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam<sup>6</sup>; chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức. Đảng viên trong đảng bộ công an đều có lập trường tư tưởng kiên định, vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, về xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

**6.3. Về cơ chế lãnh đạo song trùng đối với tổ chức đảng quân sự địa phương và công an địa phương:** Thực hiện Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, trong những năm qua, Đảng ủy Quân sự tỉnh và Đảng ủy Công an tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các huyện ủy, thành ủy, thị ủy để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trong đảng bộ quân sự, đảng bộ công an huyện, thành phố, thị xã trong công tác xây dựng Đảng và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Các tổ chức đảng quân sự địa phương và công an địa phương đều chấp hành nghiêm cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo song trùng của cấp ủy địa phương và cấp ủy cơ quan quân sự, cơ quan công an cấp trên.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân:** Về thời gian tiến hành kiểm điểm đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm trong các đảng bộ quân đội, công an hiện nay theo chỉ đạo, hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương sớm hơn so với hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, dẫn đến khó khăn trong việc nhận xét, đánh giá của cấp ủy địa phương đối với cán bộ quân đội, công an địa phương, không đồng bộ với việc đánh giá, xếp loại cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý.

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:** Đề nghị Trung ương có sự chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy trong đảng bộ quân đội, công an kiểm điểm, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên hằng năm đồng bộ, thống nhất chung về thời gian trong toàn Đảng.

## 7. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp

**7.1. Về chức năng, nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát:** Thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

<sup>6</sup> Quy định số 92-QĐ/TW ngày 15/5/2012, Quy định số 72-QĐ/TW ngày 24/02/2017, Quy định số 192-QĐ/TW ngày 18/5/2019 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Công an nhân dân và các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị công an.

nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; thường xuyên giáo dục, nâng cao nhận thức đối với cán bộ, đảng viên về vai trò, tầm quan trọng, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát. Trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã có nhiều đổi mới và triển khai thực hiện toàn diện các nội dung, nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát; do đó, chất lượng, hiệu quả được nâng lên. Cấp ủy cấp trên tiến hành kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời làm rõ những vụ việc phức tạp, nổi cộm, được dư luận quan tâm. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; chủ động giáo dục, ngăn ngừa vi phạm của cán bộ, đảng viên. Giúp tổ chức đảng và đảng viên kịp thời thấy được ưu điểm để phát huy; những khuyết điểm, hạn chế để khắc phục, sửa chữa; những thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý để kịp thời điều chỉnh, bổ sung; xử lý nghiêm những sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên; tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng, Nhà nước; tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; sự đồng thuận và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Kết quả từ năm 2011 đến nay, cấp ủy các cấp và chi bộ đã kiểm tra **9.767** tổ chức đảng, **101.747** đảng viên<sup>7</sup>; qua kiểm tra, phát hiện 182 tổ chức đảng và 369 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm, trong đó có 07 tổ chức đảng, 70 đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật (*đã xử lý kỷ luật xong*). Cấp ủy các cấp đã giám sát chuyên đề đối với **6.689** tổ chức đảng, **54.642** đảng viên<sup>8</sup>; qua giám sát, đã phát hiện 35 tổ chức đảng, 150 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm; đã chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 16 tổ chức đảng, 17 đảng viên.

**7.2. Về nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp:** Ủy ban kiểm tra (UBKT) các cấp trong Đảng bộ tỉnh đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của UBKT theo quy định, trong đó đã kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm và giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý, tổ chức đảng cấp dưới về những nội dung theo quy định; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật; giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng; kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Vào đầu nhiệm kỳ đại hội đảng, các cấp ủy đã ban hành quy chế làm việc của UBKT; quy chế phối hợp giữa UBKT với các cơ quan liên quan trong công tác

<sup>7</sup> Trong đó: Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 63 tổ chức đảng, 88 đảng viên; Ban thường vụ cấp huyện kiểm tra 1.587 tổ chức đảng, 1.193 đảng viên; cấp ủy cơ sở kiểm tra 8.034 tổ chức đảng, 13.521 đảng viên; đảng ủy bộ phận kiểm tra 81 tổ chức đảng, 77 đảng viên; chi bộ kiểm tra 86.868 đảng viên.

<sup>8</sup> Trong đó: Ban Thường vụ Tỉnh ủy giám sát 127 lượt tổ chức đảng, 162 lượt đảng viên; ban thường vụ cấp huyện giám sát 1.420 lượt tổ chức đảng, 1.164 lượt đảng viên; đảng ủy cơ sở giám sát 5.137 lượt tổ chức đảng, 7.375 lượt đảng viên; đảng bộ bộ phận giám sát 05 tổ chức đảng, 24 đảng viên; chi bộ giám sát 45.917 lượt đảng viên.

kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát. 100% cấp ủy đảng trong Đảng bộ tỉnh đã ban hành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm để tổ chức thực hiện.

UBKT các cấp thường xuyên duy trì và thực hiện nguyên tắc, chế độ làm việc theo quy chế; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ làm việc tập thể, quyết định theo đa số; tuân thủ sự chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của UBKT cấp trên; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, UBKT cấp trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. UBKT các cấp đã chủ động phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định; giúp cấp ủy thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Kết quả từ năm 2011 đến nay, UBKT các cấp đã kiểm tra 4.364 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm<sup>9</sup>, trong đó có 2.956 cấp ủy viên các cấp; qua kiểm tra, đã kết luận 3.490 đảng viên vi phạm, trong đó có 1.222 đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật (*đã xử lý kỷ luật xong 1.206 đảng viên*); các nội dung vi phạm chủ yếu về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, những điều đảng viên không được làm, sử dụng đất, quản lý tài chính, xây dựng cơ bản và thực hiện chính sách xã hội... UBKT các cấp đã kiểm tra 1.688 tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm<sup>10</sup>; qua kiểm tra kết luận 1.346 tổ chức đảng có vi phạm, trong đó 67 tổ chức đảng phải thi hành kỷ luật (*đã kỷ luật xong*); các nội dung vi phạm nhiều là thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, quản lý tài chính, đất đai, xây dựng cơ bản và thực hiện chính sách xã hội...

***\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp:***

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề chưa thường xuyên; hiệu quả giám sát còn thấp. Việc triển khai công tác kiểm tra, giám sát ở một số tổ chức cơ sở đảng còn gặp khó khăn, nhất là ở các doanh nghiệp.

- Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác kiểm tra ở đảng bộ cơ sở chủ yếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, do vậy ảnh hưởng đến chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Trong các quy định, hướng dẫn của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát nêu: “Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn, những tổ chức đảng

<sup>9</sup> Trong đó: UBKT Tỉnh ủy kiểm tra 43 đảng viên, UBKT cấp huyện kiểm tra 742 đảng viên; UBKT cơ sở kiểm tra 3.597 đảng viên.

<sup>10</sup> Trong đó: UBKT Tỉnh ủy kiểm tra 15 tổ chức đảng, UBKT cấp huyện kiểm tra 283 tổ chức đảng, UBKT cấp cơ sở kiểm tra 1.390 tổ chức đảng.

trong cơ quan và doanh nghiệp có từ **300** đảng viên thì bố trí ủy viên chuyên trách làm phó chủ nhiệm”; nhưng hiện nay chưa thực hiện được do chưa có văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước thể chế rõ quy định trên.

*\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:* Đề nghị Trung ương nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện việc bố trí **01** cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra của Đảng ở đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn và những đảng bộ cơ sở có trên **300** đảng viên.

## **8. Về khen thưởng, kỷ luật**

**8.1. Về thẩm quyền, tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục, giá trị tặng phẩm và các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên:** Thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các quy định về khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh<sup>11</sup>; trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền, tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục, giá trị tặng phẩm và các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh; các cấp ủy đã triển khai thực hiện tốt việc khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên định kỳ hàng năm theo quy định và trao tặng tại hội nghị tổng kết năm của đảng bộ, chi bộ.

Từ năm 2011 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tặng Cờ theo nhiệm kỳ đối với **02** đảng bộ cấp huyện, tặng Bằng khen theo nhiệm kỳ đối với **07** đảng bộ cấp huyện và tương đương, tặng Bằng khen đối với **17** đảng bộ cấp huyện và tương đương đạt tiêu chuẩn “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tiêu biểu trong năm; tặng Cờ đối với **85** TCCSĐ, tặng Bằng khen đối với **183** TCCSĐ và **230** chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở đạt tiêu chuẩn “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tiêu biểu 5 năm liền; tặng Bằng khen đối với **403** đảng viên đạt tiêu chuẩn “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tiêu biểu 5 năm liền bảo đảm đúng quy trình, thủ tục theo quy định. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng đối với **52.880** lượt đảng viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn<sup>12</sup>.

Về giá trị tặng phẩm thực hiện theo đúng Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng về mức tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên; đối với đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng từ 50 năm tuổi đảng trở lên, ngoài chế độ theo quy định của Trung ương, được tặng một tặng phẩm (có giá trị bằng 0,3 đến 0,4 mức lương cơ sở).

**8.2. Hình thức kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên:** Từ năm 2011 đến nay, các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh đã thi hành kỷ luật **158** tổ chức đảng (trong đó: *Khiển trách 129; cảnh cáo 29*) và **8.400** đảng viên (trong đó: *Khiển trách 6.710; cảnh cáo*

<sup>11</sup> Quy định số 10-QĐ/TU ngày 17/11/2014, Quy định số 296-QĐ/TU ngày 25/11/2021, Quy định số 536-QĐ/TU ngày 05/4/2023 về khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh...

<sup>12</sup> Trong đó: Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng 13.401 đồng chí, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng 11.393 đồng chí, Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng 10.156 đồng chí, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng 8.573 đồng chí, Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng 6.081 đồng chí, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng 2.126 đ/c, Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng 790 đ/c, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng 360 đồng chí.

1.383; cách chức 141; khai trừ 166); các chi bộ thi hành kỷ luật 5.002 đảng viên.

Nhìn chung, việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện bảo đảm phương châm, nguyên tắc, đúng nội dung vi phạm theo quy định của Điều lệ Đảng, có tính giáo dục, phòng ngừa, giúp cho tổ chức đảng và đảng viên nhận rõ khuyết điểm để có biện pháp khắc phục. Về thi hành kỷ luật đối với đảng viên giữ chức vụ và đảng viên không giữ chức vụ có cùng mức độ, hành vi vi phạm đều như nhau; bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục thi hành kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm và thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng và kỷ luật của Nhà nước, kỷ luật của đoàn thể. UBKT các cấp đã thi hành kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng đối với đảng viên phạm tội hình sự theo đúng quy định.

**8.3. Về lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán; thời hạn để bổ nhiệm, giới thiệu vào cấp ủy đối với đảng viên bị kỷ luật cách chức:** Từ năm 2011 đến nay, Đảng bộ tỉnh Bắc Giang không có tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán và không bổ nhiệm, giới thiệu vào cấp ủy trường hợp đảng viên nào bị kỷ luật cách chức.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về khen thưởng, kỷ luật:** Theo quy định hiện nay, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền và đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 5 năm liền cùng là đối tượng khen thưởng của ban thường vụ tỉnh ủy và ban thường vụ cấp ủy huyện. Việc khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên như vậy trong thực tế sẽ xảy ra một tổ chức đảng, một đảng viên được nhiều cấp khen thưởng trong cùng một thành tích 5 năm, dẫn đến khen thưởng trùng lặp, chưa bảo đảm chính xác với thành tích và khó khăn, lúng túng trong thực hiện.

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:** Đề nghị Trung ương nghiên cứu, quy định ban thường vụ tỉnh ủy và tương đương tặng bằng khen cho chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền; đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền. Ban thường vụ cấp ủy huyện tặng giấy khen cho chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 3 năm liền; đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 3 năm liền.

Nghiên cứu, quy định tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên 35 năm tuổi Đảng, nhằm ghi nhận công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng đối với đảng viên đủ 35 năm tuổi Đảng.

## **9. Đảng lãnh đạo Nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

**9.1. Về tổ chức đảng trong cơ quan Nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành văn bản pháp luật của Nhà nước, văn bản của Mặt trận Tổ quốc, các tổ**

**chức chính trị - xã hội:** Theo quy định của Điều lệ Đảng, Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thông qua đảng đoàn, ban cán sự đảng. Hiện nay, Đảng bộ tỉnh Bắc Giang có 03 ban cán sự đảng (Ủy ban nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh), 08 đảng đoàn (*Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh*).

Các đảng đoàn, ban cán sự đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng thành các nghị quyết, kế hoạch, cơ chế, chính sách, quản lý, điều hành cụ thể của chính quyền và các văn bản của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với thực tế của địa phương để triển khai thực hiện. Đảng đoàn HĐND tỉnh đã tập trung lãnh đạo hoạt động của HĐND theo đúng chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thể chế hoá các chủ trương của cấp ủy thành các nghị quyết để triển khai thực hiện. Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo các cơ quan nhà nước thực hiện các chủ trương của cấp ủy, nghị quyết của HĐND bằng các văn bản pháp quy. Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chính trị theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan. Đảng đoàn MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy và UBND tỉnh những chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân và động viên các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

**9.2. Việc giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:** Trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã thực hiện tốt việc giới thiệu, phân công cán bộ, đảng viên có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và uy tín để ứng cử, bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo của cơ quan Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Cán bộ được cấp ủy giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm đều có số phiếu tín nhiệm cao. Trong xem xét, bố trí, sắp xếp cán bộ, các cấp ủy kiên quyết điều động, cho thôi việc không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác đối với cán bộ diện cấp ủy quản lý có năng lực hạn chế, trì trệ trong giải quyết công việc; chỉ đạo chính quyền thực hiện tốt việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp để kịp thời hạn chế các biểu hiện bảo thủ, trì trệ trong đội ngũ cán bộ; đổi mới tác phong, lề lối làm việc, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được tiếp cận nhiều lĩnh vực, mở rộng kiến thức chuyên môn để hoàn thiện kỹ năng làm việc và năng lực công tác.

**9.3. Về mô hình tổ chức và mối quan hệ của đảng đoàn, ban cán sự đảng với cấp ủy đảng trong các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh:** Các đảng đoàn, ban cán sự đảng đã phối hợp với cấp ủy đảng trong các cơ quan Nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính



trị - xã hội ở cấp tỉnh trong việc tổ chức quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, lãnh đạo bảo đảm thực hiện các nghị quyết, quyết định của đảng đoàn, ban cán sự đảng liên quan đến nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; xây dựng tổ chức đảng cơ quan trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đảng đoàn, ban cán sự đảng đã kịp thời thông báo với cấp ủy cơ quan những chủ trương, quyết định của đảng đoàn, ban cán sự đảng có liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan để cấp ủy cơ quan tham gia ý kiến, phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:**

- Trong quá trình lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ của các đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh còn lúng túng, chưa phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng với tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và với cấp ủy đảng trong cơ quan; có nội dung, có việc còn trùng chéo giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng và chi ủy, đảng ủy, thủ trưởng cơ quan.

- Việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm và phối hợp công tác giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng với đảng ủy cơ quan, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

- Hiện nay Trung ương chưa ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh. Không có cán bộ chuyên trách giúp việc đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh nên việc tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh có lúc, có nơi còn chưa kịp thời; chất lượng tham mưu còn hạn chế.

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:** Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; Quy chế làm việc mẫu của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh.

Quy định cụ thể hơn về bộ máy giúp việc chuyên trách của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh, nhất là Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh. Có chế độ phụ cấp đối với ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng để thống nhất với phụ cấp cấp ủy và gắn vai trò, trách nhiệm của các đồng chí ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng.

## **10. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

**10.1. Cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ:** Thực hiện các quy định về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã thường xuyên quan tâm, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đoàn trong việc xác định phương hướng, nhiệm vụ chính trị, công tác tư tưởng,

công tác tổ chức và cán bộ. Trong đó đã ban hành các văn bản cụ thể hóa các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết và các quy định của Trung ương để lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên<sup>13</sup>. Lãnh đạo các tổ chức đoàn, đoàn viên thanh niên chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề ra chủ trương biện pháp để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả đối với hoạt động của tổ chức đoàn.

Các tổ chức đoàn đã chú trọng nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh niên, tạo môi trường cho đoàn viên, thanh niên được rèn luyện, thử thách, cống hiến; tạo điều kiện để đoàn viên, thanh niên phát huy vai trò xung kích, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu trong học tập, lao động và cuộc sống, hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng, tích cực tham gia xây dựng địa phương, cơ quan, đơn vị. Các cấp bộ đoàn đã thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng bồi dưỡng và giới thiệu đoàn viên ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng. Từ năm 2011 đến nay, Đảng bộ tỉnh đã kết nạp được **21.024** đoàn viên ưu tú vào Đảng (*bằng 64,5% tổng số đảng viên mới kết nạp*).

**10.2. Về việc đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn:** Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn, tạo nền tảng cho tổ chức đoàn hoạt động đúng hướng, đúng tôn chỉ mục đích; bảo đảm vai trò lãnh đạo trực tiếp của Đảng đối với tổ chức đoàn. Qua đó, đề cao trách nhiệm của đảng viên trẻ đối với tổ chức đoàn, đồng thời, đây là những nhân tố tích cực xây dựng tổ chức đoàn, là những tấm gương để các đoàn viên trẻ học tập, noi gương phấn đấu vào Đảng.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:** Việc lãnh đạo, chăm lo xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức và hành động có nơi, có lúc chưa quyết liệt, hiệu quả. Hoạt động của tổ chức đoàn ở xã, phường, thị trấn còn hạn chế, do hiện nay ở địa bàn khu dân cư đa số thanh niên trẻ đi làm công nhân, lao động, làm kinh tế xa nhà nên ảnh hưởng đến việc thu hút, tập hợp đoàn viên, thanh niên tham gia sinh hoạt đoàn ở địa phương. Việc bố trí cán bộ đoàn các cấp sau khi hết tuổi đoàn có nơi còn gặp khó khăn.

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên:** Đề nghị Trung ương nghiên cứu, quan tâm có những chủ trương, chính sách hỗ trợ thanh niên trong phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nhất là đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện cho đoàn viên thanh niên có việc làm ổn định ngay tại quê hương để tham gia sinh hoạt đoàn ở địa phương

<sup>13</sup> Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kết luận số 63-KL/TU, ngày 10/02/2015 về một số nội dung nâng cao chất lượng cán bộ đoàn chuyên trách của tỉnh; Kết luận số 103-KL/TU, ngày 24/5/2018 về một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ đoàn chuyên trách cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 165-NQ/TU ngày 15/9/2021 về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đoàn và đội ngũ cán bộ đoàn chuyên trách tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

và tạo nguồn cho phát triển đảng viên ở địa phương.

## 11. Về tài chính của Đảng

**11.1. Nguồn thu từ đảng phí và mức đóng đảng phí của đảng viên:** Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh thực hiện nghiêm việc thu, nộp đảng phí và mức đóng đảng phí theo đúng quy định của Trung ương<sup>14</sup>. Tổng số thu đảng phí trong 03 năm (2020-2022) của Đảng bộ tỉnh là 113.021 triệu đồng, số thu đảng phí đã được trích giữ lại ở 4 cấp bảo đảm tỷ lệ theo quy định<sup>15</sup>.

**11.2. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước:** Kết quả tổng thu từ ngân sách nhà nước trong Đảng bộ tỉnh 03 năm (2020-2022) là 865.703 triệu đồng; trong đó: Ngân sách nhà nước cấp tỉnh cấp 349.663 triệu đồng, ngân sách nhà nước cấp huyện cấp 512.039 triệu đồng, nguồn hoạt động khác được để lại 4.001 triệu đồng. Kết quả chi từ nguồn ngân sách nhà nước trong Đảng bộ tỉnh 03 năm (2020-2022) là 850.000 triệu đồng, trong đó: Cấp tỉnh chi 337.869 triệu đồng; cấp huyện chi 512.131 triệu đồng.

**11.3. Các nguồn thu khác:** Nguồn thu từ đơn vị sự nghiệp của Đảng (*Báo Bắc Giang*). Hằng năm, ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi thường xuyên cho đơn vị theo chỉ tiêu biên chế được giao; đồng thời đơn vị có nguồn thu từ nguồn quảng cáo, tuyên truyền, xuất bản báo. Từ năm 2020-2022 tổng thu từ quảng cáo, tuyên truyền, xuất bản báo và thu khác của đơn vị (*ngoài ngân sách nhà nước bảo đảm*) là 95.058.546.919 đồng. Tổng chi là 91.318.135.346 đồng. Sau khi cân đối giữa thu và chi, số còn lại là 2.762.299.627 đồng, đơn vị trích lập các quỹ như: Quỹ phát triển sự nghiệp, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ổn định thu nhập.

**11.4. Về quản lý tài chính, tài sản của Đảng:** Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp sử dụng ngân sách nhà nước và đảng phí được thực hiện theo đúng các quy định của Trung ương, Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài chính đảng của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và đồng chí phó bí thư thường trực cấp ủy được quy định rõ trong quy chế làm việc của cấp ủy.

Các cấp ủy giao văn phòng cấp ủy cùng cấp trực tiếp quản lý tài chính, tài sản của cấp ủy, được cụ thể hóa trong quy định về chức năng, nhiệm vụ của văn phòng cấp ủy trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng. Tài chính, tài sản của Đảng được công khai theo năm ngân sách nhà nước

<sup>14</sup> Quyết định số 342-QĐ/TW ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị, Công văn số 141-CV/VPTW/nb ngày 17/3/2011 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 342-QĐ/TW về chế độ đảng phí, Công văn số 1266-CV/VPTW/nb ngày 05/3/2012 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn bổ sung về thực hiện chế độ đảng phí.

<sup>15</sup> (1) Chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận (*cấp dưới cơ sở*) là 44.414 triệu đồng, chiếm 39,3% so với tổng số thu đảng phí; (2) Chi bộ, đảng bộ cơ sở (*tổ chức cơ sở đảng*) là 56.856 triệu đồng, chiếm 50,3% so với tổng số thu đảng phí; (3) Cấp ủy huyện và tương đương là 7.375 triệu đồng, chiếm 6,5% so với tổng số thu đảng phí; (4) Cấp ủy tỉnh là 3.687 triệu đồng, chiếm 3,3% so với tổng số thu đảng phí; nộp lên Văn phòng Trung ương Đảng là 3.687 triệu đồng, chiếm 3,3% so với tổng số thu đảng phí.

theo đúng quy định<sup>16</sup>.

**11.5. Việc báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của các cấp ủy:** Theo quy định hiện hành, hằng quý các cấp ủy có trách nhiệm tổng hợp thu, nộp, sử dụng đảng phí của cấp mình, lập báo cáo gửi lên cấp ủy cấp trên, Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy tổng hợp, lập báo cáo thu nộp đảng phí gửi Văn phòng Trung ương Đảng theo quy định tại Quyết định số 342-QĐ/TW ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí. Hằng năm, Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác tài chính đảng bao gồm cả cấp tỉnh và cấp huyện gửi Văn phòng Trung ương Đảng; tham mưu xây dựng báo cáo quyết toán tài chính, ngân sách năm trước, tình hình thực hiện dự toán năm hiện tại và nhiệm vụ năm sau (*dự toán năm sau*) trình hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh vào tháng 12 hằng năm.

Việc quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp ủy được quy định rõ trong Quy chế làm việc của cấp ủy. Đối với cấp tỉnh thực hiện như sau:

- Tỉnh ủy nghe báo cáo và cho ý kiến, lãnh đạo, chỉ đạo đối với một số chủ trương, kế hoạch, mục tiêu, chính sách lớn về công tác tài chính, tài sản của Đảng bộ tỉnh hằng năm và cuối nhiệm kỳ.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghe báo cáo về công tác tài chính, tài sản của Đảng bộ tỉnh hằng năm; cho ý kiến đối với những nội dung về tài chính, tài sản của Đảng bộ tỉnh theo đề xuất của Thường trực Tỉnh ủy; tổng hợp báo cáo, xin ý kiến Tỉnh ủy về tình hình một số chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo công tác tài chính, tài sản của Đảng bộ tỉnh hằng năm và cuối nhiệm kỳ.

- Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tài chính, tài sản của Đảng bộ tỉnh theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy là chủ tài khoản ngân sách Tỉnh ủy và thay mặt Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ tỉnh.

**\* Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tài chính của Đảng:** Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính không quy định khoản kinh phí dự phòng từ 2% đến 5% tổng chi thường xuyên ngân sách đảng như đã quy định tại Thông tư số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC để bảo đảm kịp thời kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất của cấp ủy, do đó khi có nhiệm vụ đột xuất của cấp ủy phát sinh phải báo cáo cơ quan tài chính và UBND cấp bổ sung nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, thực hiện nhiệm vụ.

**\* Đề xuất, kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng**

<sup>16</sup> Quy định số 1494-QĐ/BTCQTTW ngày 28/12/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương về công khai tài chính Đảng và hiện nay là Quyết định số 3869-QĐ/VPTW ngày 27/6/2019 về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng.

*mức nêu trên:* Đề nghị Trung ương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính, trong đó quy định rõ khoản kinh phí dự phòng chi thường xuyên ngân sách đảng như đã quy định tại Thông tư số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC để bảo đảm kịp thời có kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất của cấp ủy.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

**1. Ưu điểm:** Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; đầu mỗi nhiệm kỳ đại hội đảng bộ, các cấp ủy đã kịp thời ban hành Quy chế làm việc và ban hành đồng bộ các nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch, kết luận nhằm cụ thể hóa Điều lệ Đảng để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Trong tổ chức thực hiện đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, bảo đảm đồng bộ giữa chủ trương của Đảng với cơ chế, chính sách và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của chính quyền các cấp; thường xuyên đổi mới tác phong công tác, lề lối làm việc theo hướng sâu sát, cụ thể, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; chủ động nghiên cứu những vấn đề nổi cộm, bức xúc ở cơ sở để ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề thực tiễn đặt ra. Những kết quả đạt được trong thi hành Điều lệ Đảng từ năm 2011 đến nay, đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; góp phần thúc đẩy phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh.

#### 2. Hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả, ưu điểm đạt được, việc thực hiện Điều lệ Đảng trong Đảng bộ tỉnh còn một số hạn chế, tồn tại như sau:

- Việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng ở một số chi bộ, đảng bộ cơ sở còn hình thức, chưa sâu sắc, chưa dành nhiều thời gian để đảng viên thảo luận; do đó, còn một số đảng viên nắm chưa đầy đủ nội dung của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn về thi hành Điều lệ Đảng, dẫn đến trong thi hành Điều lệ Đảng còn hạn chế, xảy ra sai sót.

- Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở chậm được nâng lên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ở một số nơi chưa sát thực chất, còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm. Nội dung và hình thức sinh hoạt cấp ủy, chi bộ ở một số tổ chức đảng chậm đổi mới. Việc tổ chức sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề ở một số nơi còn hình thức. Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình có nơi thực hiện chưa nghiêm túc.

- Việc thực hiện nhiệm vụ của một số đảng viên chưa tốt; chưa nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của cấp

trên; thiếu gương mẫu về đạo đức, lối sống, quan liêu, xa dân; vi phạm nguyên tắc, Điều lệ Đảng, phải xử lý kỷ luật; vi phạm pháp luật của Nhà nước trong thi hành công vụ bị xử lý hình sự. Công tác quản lý đảng viên có nơi chưa chặt chẽ, nhất là đối với đảng viên đi làm kinh tế xa nơi cư trú.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, địa phương, đơn vị chưa thật sự chủ động, năng động, sáng tạo trong việc xác định các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, đề ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị và quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo để quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra.

- Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi còn thấp, chưa kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, xử lý sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm chưa nhiều; xử lý vi phạm còn nể nang, chưa kiên quyết. Một số tổ chức cơ sở đảng chưa quan tâm kiểm tra chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII); Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong giải quyết một số vụ việc phức tạp, nhạy cảm mới phát sinh còn lúng túng, bị động, chưa rõ trách nhiệm.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại**

*Nguyên nhân khách quan:* Do tác động của cơ chế thị trường đã ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của một số cán bộ, đảng viên. Sự chống phá quyết liệt của các thế lực phản động, thù địch. Một số cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước ban hành chưa kịp thời, còn chồng chéo, thiếu tính đồng bộ, ổn định. Một số văn bản quy phạm của Đảng và Nhà nước chưa thật sự chặt chẽ.

*Nguyên nhân chủ quan:* Việc đổi mới tư duy của một số cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ tỉnh trên một số mặt chưa theo kịp tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của tỉnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên về nội dung, yêu cầu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) chưa đầy đủ, sâu sắc; chưa quyết tâm, quyết liệt cao trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được phân công.

### **4. Bài học kinh nghiệm**

Qua thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện việc thi hành Điều lệ Đảng trong Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy Bắc Giang rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

**Một là**, phải nắm chắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận dụng linh hoạt; sáng tạo, mạnh dạn đề ra các chủ trương, quyết sách phù hợp, hiệu quả với từng địa phương, cơ quan, đơn vị; lãnh đạo, chỉ đạo phải toàn diện, quyết liệt nhưng phải xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm và có lộ trình cụ thể trong từng giai đoạn để tập trung các nguồn lực triển khai thực hiện bảo đảm kết quả, hiệu quả cao.

**Hai là**, trong lãnh đạo, chỉ đạo phải bám sát Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và pháp luật của Nhà nước; đề cụ thể hóa thành các chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách của địa phương phù hợp với thực tiễn; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy phải vì Nhân dân, vì sự phát triển của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đồng thời, trong chỉ đạo, điều hành phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, bám sát cơ sở; nâng cao khả năng dự báo, phát hiện những diễn biến mới, những vấn đề phát sinh để kịp thời đề ra chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp kịp thời phù hợp.

**Ba là**, xây dựng đội ngũ cán bộ có tâm huyết, khát vọng và tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vì dân, nói đi đôi với làm; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Các đồng chí cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, thường trực cấp ủy phải thực sự gương mẫu về đạo đức, lối sống, trong công tác, học tập và đời sống hằng ngày.

**Bốn là**, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ phải đồng bộ, thống nhất trong cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; phải có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị; phân công rõ trách nhiệm, rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp, từng ngành, từng cá nhân; thường xuyên tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để bổ sung, hoàn thiện các chủ trương, cơ chế, chính sách.

**Năm là**, phải giữ vững sự đoàn kết, thống nhất cao trong nội bộ cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy; tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc của Đảng. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và trong quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, nhất là vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, chú trọng phát hiện, cổ vũ, động viên kịp thời các điển hình tiên tiến.

**Sáu là**, phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra để chủ động phòng ngừa sai phạm; bảo đảm đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật của chính quyền và các đoàn thể; xử lý kiên quyết, nghiêm minh, kịp thời các sai phạm. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

### **C- ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

Qua thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ

Đảng, Tỉnh ủy Bắc Giang đề xuất với Trung ương nghiên cứu một số nội dung sau để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra:

### 1. Về Phần mở đầu

Đề nghị nghiên cứu, thay cụm từ “*các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*” vào câu cuối trong Khoản 5.

### 2. Về tổ chức cơ sở đảng, đảng viên

(1) Về tuổi kết nạp đảng viên: Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh thành “*Tại thời điểm chi bộ kết nạp, người vào Đảng từ 18 tuổi đến đủ 60 tuổi...*” nhằm mở rộng đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi đối với quần chúng ưu tú đủ điều kiện được xem xét, kết nạp vào Đảng; nhất là đối tượng học sinh, sinh viên.

(2) Về trình độ học vấn của người được kết nạp vào Đảng: Đề nghị quy định quần chúng kết nạp vào Đảng phải có trình độ học vấn tối thiểu tốt nghiệp trung học cơ sở, để nâng cao chất lượng đảng viên trong giai đoạn hiện nay.

(3) Về thời gian dự bị đối với đảng viên dự bị bị kỷ luật: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định theo hướng: Đối với đảng viên dự bị bị kỷ luật thì kéo dài thời gian dự bị, 6 tháng đối với đảng viên bị kỷ luật khiển trách, 9 tháng đối với đảng viên bị kỷ luật cảnh cáo để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn công tác xây dựng Đảng hiện nay.

(4) Về quy định tuổi đảng của đảng viên và thời gian dự bị: Đề nghị quy định thống nhất tuổi đảng của đảng viên và thời gian dự bị tính từ ngày cấp ủy có thẩm quyền ban hành quyết định kết nạp đảng viên để bảo đảm thống nhất giữa ngày vào Đảng và thời gian tính tuổi đảng của đảng viên.

(5) Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở tương tự như nhiệm kỳ của tổ chức cơ sở đảng (5 năm) để việc xây dựng nghị quyết đại hội của đảng bộ cơ sở và các chi bộ trực thuộc thống nhất, đồng bộ.

(6) Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi việc thành lập đảng bộ cơ sở có từ 50 đảng viên trở lên, dưới 50 đảng viên lập chi bộ cơ sở để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

### 3. Về nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của đảng

Đề nghị nghiên cứu, đưa những nội dung cơ bản của Quy chế bầu cử trong Đảng thành 1 điều mới trong Điều lệ Đảng: (1) Cấp ủy triệu tập đại hội có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự cấp ủy khóa mới. Danh sách ứng cử viên do cấp ủy triệu tập đại hội chuẩn bị là danh sách đề cử chính thức với đại hội. (2) Cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do cấp ủy đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của cấp ủy.



#### 4. Về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

(1) Khoản 1, Điều 31, đề nghị bổ sung cụm từ "được lập từ đảng bộ cơ sở trở lên" sau cụm từ "ủy ban kiểm tra các cấp".

(2) Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 32, Điều lệ Đảng theo hướng tăng thẩm quyền, trách nhiệm cho ủy ban kiểm tra các cấp, như: *Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án, vụ việc, nếu phát hiện vi phạm liên quan đến đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý thì thủ trưởng cơ quan chuyên thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến ủy ban kiểm tra cùng cấp để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của Đảng.*

*Ủy ban kiểm tra kiểm tra xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý có dấu hiệu vi phạm trong các vụ việc, vụ án do các cơ quan chức năng thụ lý.*

Khoản 2, Khoản 3- Điều 32, đề nghị biên tập lại như sau: "Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

*Giám sát đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạo đức lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương".*

(3) Đề nghị sửa đổi, bổ sung các Điều: 35, 36, 37, Điều lệ Đảng về thẩm quyền thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại của ban thường vụ đảng ủy cơ sở; thẩm quyền thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại và các nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở; thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp dưới cho ủy ban kiểm tra các cấp.

#### 5. Về kỷ luật đảng

(1) Biên tập nêu cụ thể hơn nội dung tại khoản 3, Điều 38 như sau: "Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định".

(2) Biên tập lại các khoản 5, 7, 9, Điều 39 như sau: "Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy, tổ chức đảng quyết định kỷ luật quyết định.

Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định: *Tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức giải tán, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương; tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, đảng viên bị kỷ luật*

bằng các hình thức từ khiển trách đến cách chức có quyền khiếu nại đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cách cấp đã giải quyết kỷ luật hai cấp; trường hợp đảng viên bị kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ do Ủy ban Kiểm tra Trung ương trở lên quyết định thì có quyền khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với mình.

## **6. Về việc tự phê bình và phê bình trong Đảng**

(1) Đề nghị nghiên cứu, bổ sung cụm từ “*Thực hiện tự phê bình và phê bình*” vào các khoản 2, khoản 3, Điều 17 và khoản 3, Điều 20, Điều lệ Đảng và diễn đạt như sau:

- Khoản 2, Điều 17: “*Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; thực hiện tự phê bình và phê bình; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương*”.

- Khoản 3, Điều 17: “*Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; thực hiện tự phê bình và phê bình; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định*”.

- Khoản 3, Điều 20: “*Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; thực hiện tự phê bình và phê bình; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy*”.

(2) Đề nghị sửa đổi, bổ sung Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng. Cụ thể:

“*Mục 9.2.1. Hằng năm, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở và tương đương trở lên, cấp ủy cấp cơ sở, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy viên các cấp và đảng viên phải tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân, kiểm điểm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; có kế hoạch, biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm*”.

*Mục 9.2.2. Cuối nhiệm kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy viên các cấp, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương và của cấp ủy các cấp phải tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội”.*

## **7. Một số nội dung khác**

Ngoài các nội dung kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng như trên, Tỉnh ủy Bắc Giang đề xuất với Trung ương nghiên cứu, ban hành các quy định, hướng dẫn nhằm cụ thể hóa Điều lệ Đảng để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng, góp phần giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn như sau:

(1) Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi quy định việc chuyển sinh hoạt đảng chính thức của đảng viên theo hướng giao cho cấp ủy, tổ chức đảng nơi chuyển đi có trách nhiệm chuyển hồ sơ lý lịch của đảng viên đến nơi chuyển sinh hoạt đảng đến để làm thủ tục tiếp nhận sinh hoạt đảng. Nhằm khắc phục hạn chế hiện nay giao cho đảng viên mang hồ sơ lý lịch của mình đến nơi chuyển sinh hoạt đảng đến, dẫn đến có đảng viên không chuyển hoặc là cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu, quân nhân xuất ngũ vô tình hoặc cố ý không kịp thời nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng về nơi cư trú theo quy định, phải xóa tên trong danh sách đảng viên.

(2) Nghiên cứu, sửa đổi quy định việc kết nạp đảng viên đối với công nhân lao động có thời gian hợp đồng liên tục từ 12 tháng trở lên trong các doanh nghiệp có thể xem xét kết nạp vào Đảng ở tổ chức đảng nơi cư trú (*theo quy định hiện nay phải kết nạp ở tổ chức đảng trong doanh nghiệp*), nhằm tháo gỡ khó khăn hiện nay ở khu vực nông thôn đa số thanh niên đi làm công nhân lao động tại các khu, cụm công nghiệp, hằng ngày vẫn đi về nơi cư trú và tham gia sinh hoạt đoàn ở địa phương, đây là nguồn phát triển đảng chủ yếu ở các thôn, tổ dân phố hiện nay.

(3) Hiện nay việc quy định thời điểm tính tuổi tái cử trong Đảng khác với HĐND, UBND nên việc sắp xếp nhân sự sau đại hội gặp khó khăn, bất cập, có những đồng chí đủ tuổi tái cử cấp ủy nhưng không đủ tuổi tái cử các chức danh lãnh đạo HĐND, UBND. Đề nghị nghiên cứu, thống nhất thời điểm tính tuổi tái cử cấp ủy và thời điểm tính tuổi tái cử các chức danh lãnh đạo HĐND, UBND.

(4) Đề nghị nghiên cứu, ban hành quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng. Ban hành mẫu văn bản thực hiện kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra từ tỉnh đến cơ sở để áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

(5) Nghiên cứu, có chính sách trợ cấp đối với những đảng viên tối Đảng cao (như đảng viên được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng trở lên) không có lương hưu hoặc trợ cấp khác hằng tháng.

(6) Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn cụ thể về công tác khen thưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của các cấp ủy đảng ở địa phương.

(7) Nghiên cứu, bố trí chức danh văn phòng đảng ủy xã, phường, thị trấn là cán bộ chuyên trách cấp xã, nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu, giúp việc cấp ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Chỉ đạo thực hiện việc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra của Đảng ở đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn và những đảng bộ cơ sở có trên 300 đảng viên. Có chế độ phụ cấp cho ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở nhằm động viên cán bộ, qua đó góp phần nâng cao hơn chất lượng hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp.

(8) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung mẫu Lý lịch của người xin vào Đảng; Lý lịch đảng viên và Lý lịch cán bộ (mẫu 2A, 2C) để bảo đảm đồng bộ, thống nhất và thuận lợi trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên và phù hợp với các quy định, hướng dẫn hiện hành, nhất là những quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ hiện nay.

(9) Nghiên cứu, ban hành Quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở để thuận lợi trong công tác và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

(10) Nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể các mức độ của biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên.

(11) Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên để bảo đảm việc cập nhật, khai thác, đồng bộ dữ liệu đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng được hiệu quả, giảm thủ tục hành chính trong Đảng.

*(có các Biểu thống kê số liệu kèm theo Báo cáo)*

Trên đây là Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011 - 2025) của Đảng bộ tỉnh; Tỉnh ủy Bắc Giang trân trọng báo cáo Ban Bí thư, Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV và Ban Tổ chức Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV (báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUTT Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY  
PHÓ BÍ THƯ**



**Lê Thị Thu Hồng**

\*

## THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 1

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn			Ghi chú
		01/01/2011 đến 31/12/2020	01/01/2021 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2025	
<b>1</b>	<b>Số lượng</b>	<b>25.806</b>	<b>6.756</b>		
	<i>Trong đó:</i>				
-	Kết nạp lại	16	7		
-	Phụ nữ	12.707	4.063		
-	Dân tộc thiểu số	3.142	723		
-	Tôn giáo	58	13		
-	Cán bộ, công chức	3.598	381		
-	Nông dân	7.078	1.245		
-	Công dân thường trú ở khu phố	634	298		
-	Công nhân:	2.001	638		
	+ Trong doanh nghiệp Nhà nước	821	142		
	+ Trong DN ngoài khu vực Nhà nước	1.294	553		
-	Người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	8.539	3.064		
-	Sỹ quan, chiến sỹ QĐND	283	38		
-	Sỹ quan, chiến sỹ CAND	635	68		
-	Sinh viên, học sinh	542	252		
<b>2</b>	<b>Nguồn giới thiệu</b>	<b>25.806</b>	<b>6.756</b>		
	Do ĐTNCSHCM giới thiệu	14.762	3.808		
	Do Công đoàn giới thiệu	11.044	2.948		
<b>3</b>	<b>Tuổi đời</b>	<b>25.806</b>	<b>6.756</b>		
	Từ 18 - 30	13.845	3.073		
	Từ 31 - 40	8.631	2.854		
	Từ 41 -50	2.656	651		
	Từ 51 tuổi trở lên	674	178		
	<i>Tuổi bình quân</i>	<i>31</i>	<i>32</i>		
<b>4</b>	<b>Trình độ học vấn</b>	<b>25.806</b>	<b>6.756</b>		
	Biết đọc, biết viết	0	0		
	Tiểu học	818	42		
	Trung học cơ sở	3.305	494		
	Trung học phổ thông	21.683	6.220		
<b>5</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>20.355</b>	<b>5.152</b>		
	Sơ cấp	654	118		
	Trung cấp	4.128	355		
	Cao đẳng	4.984	1.114		
	Đại học	9.695	3.342		
	Thạc sỹ	893	222		
	Tiến sỹ	1	1		

\*

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM ĐẢNG VIÊN  
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2024***(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)*

Biểu số 2

STT	Tiêu chí	Tính đến 31/12/2010	Tính đến 31/12/2020	Tính đến 31/12/2023	Tính đến 30/6/2025	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng số đảng viên đầu kỳ</b>	<b>63.641</b>	<b>85.659</b>	<b>89.459</b>		
<b>B</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>3.562</b>	<b>2.909</b>	<b>3.208</b>		
1	Kết nạp	2.173	2.104	2.614		
2	Phục hồi đảng tịch	0	0	2		
<b>C</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>1.902</b>	<b>1.461</b>	<b>3.212</b>		
1	Từ trần	430	624	882		
2	Khai trừ	55	78	95		
3	Xoá tên	105	177	164		
	<i>Trong đó: Đảng viên dự bị</i>	<i>18</i>	<i>59</i>	<i>47</i>		
4	Xin ra khỏi Đảng	48	88	98		
<b>D</b>	<b>Tổng số đảng viên cuối kỳ</b>	<b>65.301</b>	<b>87.107</b>	<b>89.455</b>		

\*

## THÔNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 3

T T	Chỉ tiêu	Thời điểm				Ghi chú
		01/01/2011	01/01/2021	01/01/2024	30/6/2025	
<b>I</b>	<b>Số lượng</b>	<b>65.301</b>	<b>87.107</b>	<b>89.455</b>		
<i>Trong đó</i>						
1	Nữ	16.073	29.574	32.126		
2	Dự bị	2.973	2.878	2.510		
3	Dân tộc thiểu số	3.884	6.820	7.386		
4	Tôn giáo	216	218	278		
5	Đoàn viên ĐTNCSHCM	12.039	17.070	16.153		
6	Công nhân	2.223	3.268	5.107		
7	Nông dân	17.096	16.737	22.430		
8	Trí thức	12.962	10.119	27.212		
9	Chủ doanh nghiệp tư nhân	85	207	217		
10	Trong DN ngoài KV Nhà nước	392	2.159	2.669		
11	Quân nhân xuất ngũ	11.656	6.471	7.544		
12	Có QH hôn nhân với người nước ngoài	0	0	3		
13	Không sinh hoạt thường xuyên do làm ăn xa	1.121	1.653	3.127		
14	Được miễn công tác và sinh hoạt đảng	7.224	11.047	9.909		
	<i>Dưới 70 tuổi</i>	<i>1.730</i>	<i>2.232</i>	<i>1.472</i>		
	<i>Từ 70 đến dưới 75 tuổi</i>	<i>1.750</i>	<i>3.077</i>	<i>2.910</i>		
	<i>Từ 75 đến dưới 80 tuổi</i>	<i>1.939</i>	<i>2.964</i>	<i>2.560</i>		
	<i>Trên 80 tuổi</i>	<i>1.805</i>	<i>2.774</i>	<i>2.967</i>		
<b>II</b>	<b>Tuổi đời</b>	<b>65.301</b>	<b>87.107</b>	<b>89.455</b>		
1	18 đến 30 tuổi	12.139	13.616	11.583		
2	31 đến 40 tuổi	15.900	24.838	23.469		
3	41 đến 50 tuổi	15.204	16.861	20.829		
4	51 đến 60 tuổi	12.210	17.656	16.068		
5	61 tuổi trở lên	9.848	14.136	17.506		
6	<i>Tuổi bình quân</i>	<i>43</i>	<i>44</i>	<i>45</i>		
<b>III</b>	<b>Trình độ học vấn</b>	<b>65.301</b>	<b>87.107</b>	<b>89.455</b>		
1	Biết chữ Quốc ngữ	0	0	5		
2	Tiểu học	2.255	2.534	2.557		
3	Trung học cơ sở	18.676	20.164	18.082		
4	Trung học phổ thông	44.370	64.409	68.811		
<b>IV</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>65.301</b>	<b>87.107</b>	<b>89.455</b>		
	Công nhân KT, nhân viên, chưa qua đào tạo	32.120	36.142	30.689		
1	Trung cấp	15.570	13.397	12.676		
2	Cao đẳng	6.158	12.199	11.267		
3	Đại học	10.731	22.727	30.998		
4	Thạc sỹ	701	2.607	3.718		
5	Tiến sỹ	21	35	107		
<b>V</b>	<b>Trình độ lý luận chính trị</b>	<b>65.301</b>	<b>87.107</b>	<b>89.455</b>		
1	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	48.142	63.340	65.315		
2	Trung cấp	15.658	20.938	21.425		
3	Cao cấp, cử nhân	1.501	2.829	2.715		

\*  
**THỐNG KÊ ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ**  
(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 4

STT	Loại hình	Số lượng đảng bộ				Ghi chú
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	
1	Quận					
2	Huyện	9	9	9		
3	Thị xã					
4	Thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1	1	1		
5	Đảng bộ Các cơ quan tỉnh	1	1	1		
6	Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh	1	1	1		
7	Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh					
8	Quân sự	1	1	1		
9	Biên phòng					
10	Công an	1	1	1		
11	Đảng bộ khác	1	1			
<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>	<b>15</b>	<b>14</b>		



**THỐNG KÊ CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG**  
(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 5

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã						Ngoại nước	Khác				
						Công lập	Ngoại công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước					Hợp tác xã			
										Nhà nước nắm giữ từ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty TNHH				Công ty hợp danh	DN có vốn nước ngoài	
1	Đảng bộ cơ sở	207	7	16	25	15	0	16	14	17	10	3	0	1	0	0	0	0	0	0	
1.1	Chia theo số lượng đảng viên	207	7	16	25	15	0	16	14	17	10	3	0	1	0	0	0	0	0	0	
Trong đó	Dưới 30 đảng viên	0																			
	Từ 30 đến 49 đảng viên	0			13	7		13	3	7	2	3		1							
	Từ 50 đến 99 đảng viên	0			8	5		2	10	6	8										
	Từ 100 đến 149 đảng viên	0			4	1				4											
	Từ 150 đến 199 đảng viên	23		4		1			1												
	Từ 200 đảng viên trở lên	184	7	12		1		1													
1.2	Đảng bộ mà ĐU được giao, ủy quyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- ĐBCS mà ĐU được giao quyền cấp trên cơ sở																				
	- ĐBCS mà ĐU được chỉ định giao một số quyền cấp trên cơ sở																				
	- ĐBCS mà ĐU được ủy quyền kết nạp, khai trừ đảng viên																				
2	Chỉ bộ cơ sở	0	0	0	221	93		0	23	63	62	8	0	0	1	0	1	2	0	0	
3	Đảng bộ bộ phận trực thuộc ĐUCS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Trong đó	Chỉ bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận																				
	Số lượng đảng viên																				

Tính đến 31/12/2010



STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã						Ngoại nước	Khác			
						Công lập	Ngoại công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước					Hợp tác xã		
										Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty TNHH				Công ty hợp danh	DN có vốn nước ngoài
2	Chi bộ cơ sở	0	0	0	110	77	6	0	9	26	25	10	20	7	8	0	0	2	0	0
3	Đảng bộ bộ phận trực thuộc ĐUCS	0	0	0	5	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Trong đó	Chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận				5															
Trong đó	Số lượng đảng viên				2260					452				250						
4	Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở	2729	141	360	370	167	0	66	195	76	54	18	52	63	0	0	0	0	0	0
Trong đó	Có từ 03 đến 05 đảng viên	117			34	3		4	1	3	3	3	6	3						
Trong đó	Có từ 06 đến 09 đảng viên	429	15	50	135	23		25	94	9	3	5	13	8						
Trong đó	Từ 10 đến dưới 30 đảng viên	1686	79	193	199	141		35	96	50	47	10	30	42						
Trong đó	Từ 30 đến 100 đảng viên	488	44	114	2	0		2	4	14	1		3	10						
Trong đó	Chi bộ có trên 100 đảng viên	9	3	3																
5	Số chi bộ đảng đảng viên chia thành nhiều tổ đảng	124	17	59	138	101	0	7	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
<b>Tính đến 31/12/2023</b>																				
1	Đảng bộ cơ sở	182	10	17	42	37	0	15	21	9	3	2	6	5	0	0	0	0	0	0
1.1	Chia theo số lượng đảng viên	182	10	17	42	37	0	15	21	9	3	2	6	5	0	0	0	0	0	0
Trong đó	Từ 30 đến 49 đảng viên				3	2		6		1	1		2							
Trong đó	Từ 50 đến 99 đảng viên				20	22		9	7	4	2	2	2	1						
Trong đó	Từ 100 đến 149 đảng viên				6	12			12	1				2						
Trong đó	Từ 150 đến 199 đảng viên	13		5	7				2				1	1						
Trong đó	Từ 200 đảng viên trở lên	169	10	12	6	1				3			1	1						

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã						Ngoài nước	Khác						
						Công lập	Ngoại công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước					Hợp tác xã					
										Nhà nước nắm giữ từ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty TNHH				Công ty hợp danh	DN có vốn nước ngoài			
1.2	<b>Đăng bộ mà ĐU được giao, ủy quyền</b> - ĐBCS mà ĐU được giao quyền cấp trên cơ sở - ĐBCS mà ĐU được thi đàm giao một số quyền cấp trên cơ sở - ĐBCS mà ĐU được ủy quyền kết nạp, khai trừ đảng viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
2	<b>Chi bộ cơ sở</b>	0	0	0	81	66	5	0	15	20	7	3	22	5	6	0	0	1	0	1			
3	<b>Đăng bộ bộ phận trực thuộc ĐUCS</b>	0	0	0	5	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0			
Trong đó	Chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận				5					1				1									
	Số lượng đảng viên				2260					452				250									
4	<b>Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở</b>	2717	145	397	399	218	2	66	167	65	14	14	42	81	6	0	1	0	0	0	2		
Trong đó	Có từ 03 đến 05 đảng viên	117			34	3		4	1	3	3	3	6	3			1				0	0	
	Có từ 06 đến 09 đảng viên	430	15	50	135	30	2	29	66	14	1	2	5	16	4		0				0	0	
	Từ 10 đến dưới 30 đảng viên	1622	79	193	199	163		24	88	38	10	8	28	57	2						2	2	
	Từ 30 đến 100 đảng viên	539	48	151	31	22		9	12	10		1	3	5									
	Chi bộ có trên 100 đảng viên	9	3	3																			
5	<b>Số chi bộ đồng đảng viên chia thành nhiều tổ đảng</b>	133	18	47	138	104	0	7	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	<b>Tổng số đảng viên</b>	53.103	6.299	11.556	5.044	5.867	61	943	2.022	1.435	370	217	1.043	1.272	180	0	5	9	0	0	0	29	

\* **THÔNG KÊ CẤP ỦY TỈNH, THÀNH PHỐ, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**  
(Nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020 và 2020 - 2025)

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 6

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	
	<b>TỔNG SỐ</b>	51	53	51	13	15	15	2	2	2	1	1	1	
	Trong đó: - Dân tộc thiểu số	3	4	6	4	1	1				1			
	- Tôn giáo													
	- Nữ	6	8	6	1	2	3				1			
	- Tái cử	12	40	30		13	9		1	1				
	- Xuất thân là công nhân	6			7									
	- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	1										1		
	- Cán bộ không là người địa phương										1			
1	<b>Tuổi đời</b>	51	53	51	13	15	15	2	2	2	1	1	1	
	- Từ 18 - 30 tuổi													
	- Từ 31 - 35 tuổi		1	1										
	- Từ 36 - 40 tuổi	6	4	4	1		2							
	- Từ 41 - 45 tuổi	10	6	15		2	1							
	- Từ 46 - 50 tuổi	18	11	15	6	4	6	1			1		1	
	- Từ 51 - 55 tuổi	17	20	13	6	5	5	1			1			

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	
	- Trên 55 tuổi		11	3		4	1		2			1		
	Tuổi bình quân	48	50,9	47,5	50	51,5	49,3	50,5	56,5	52	47	55	50	
2	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	51	53	51	13	15	15	2	2	2	1	1	1	
	- Sơ cấp													
	- Trung cấp													
	- Cao đẳng													
	- Đại học	19	19	8	5	6	3	1						
	- Thạc sỹ	27	28	39	8	7	9	2		2	1	1		
	- Tiến sỹ	5	6	4		2	3		1				1	
3	Chức danh khoa học			1										
	- Phó giáo sư			1										
	- Giáo sư													
4	Trình độ lý luận chính trị	51	53	51	13	15	15	2	2	2	1	1	1	
	- Sơ cấp, chưa qua đào tạo													
	- Trung cấp													
	- Cao cấp, cử nhân	51	53	51	13	15	15	2	2	2	1	1	1	
5	Trình độ QLNN theo ngạch	51	53	51	13	15	15	2	2	2	1	1	1	
	- Chuyên viên (tương đương)													
	- Chuyên viên chính (tương đương)	35	27	34			6							
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)	16	26	17	13	15	9	2	2	2	1	1	1	

**THỐNG KÊ CẤP ỦY CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG**  
(Nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020 và 2020 - 2025)

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 7

STT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>493</b>	<b>490</b>	<b>480</b>	<b>148</b>	<b>144</b>	<b>144</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	
	- Dân tộc thiểu số	42	41	40	12	13	13	3	4	4	1	1	0	
	- Tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Nữ	58	59	59	12	16	12	0	2	0	0	1	0	
	- Tái cử	277	312	318	80	103	95	9	13	12	6	6	8	
	- Xuất thân là công nhân	3	3	0	1	2	0	0	1	0	0	0	0	
	- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	5	7	
	- Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
	- Cán bộ không là người địa phương	64	79	69	26	26	29	3	5	6	5	8	7	
<b>1</b>	<b>Tuổi đời</b>	<b>493</b>	<b>490</b>	<b>480</b>	<b>148</b>	<b>144</b>	<b>144</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	
	- Từ 18 - 30 tuổi	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Từ 31 - 35 tuổi	32	30	26	1	1	5	0	0	1	0	0	1	
	- Từ 36 - 40 tuổi	68	82	63	8	19	9	1	0	0	3	2	1	
	- Từ 41 - 45 tuổi	105	114	135	17	29	34	0	2	4	1	2	3	
	- Từ 46 - 50 tuổi	179	126	128	54	42	42	11	11	10	1	2	4	
	- Từ 51 - 55 tuổi	97	109	93	61	42	37	10	10	7	9	6	1	
	- Trên 55 tuổi	9	29	34	7	11	17	4	3	4	0	2	4	

STT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	2010-2015	2015-2020	2020-2025	
	<i>Tuổi bình quân</i>	45	46	46	49	48	48	51	50	49	49	49	48	
<b>2</b>	<b>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ</b>	<b>493</b>	<b>490</b>	<b>480</b>	<b>148</b>	<b>144</b>	<b>144</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	
	- Sơ cấp	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Trung cấp	47	2	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Cao đẳng	3	5	11	1	1	4	0	0	0	0	0	0	
	- Đại học	369	306	214	117	79	59	17	13	10	8	4	1	
	- Thạc sỹ	68	177	244	30	64	79	9	13	16	5	10	11	
	- Tiến sỹ	2	0	3	0	0	2	0	0	0	1	0	2	
<b>3</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
	- Phó giáo sư	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	1	1	
	- Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>4</b>	<b>Trình độ lý luận chính trị</b>	<b>493</b>	<b>490</b>	<b>480</b>	<b>148</b>	<b>144</b>	<b>144</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	
	- Sơ cấp, chưa qua đào tạo	3	1	22	0	0	6	0	0	0	0	0	1	
	- Trung cấp	186	117	72	12	0	4	0	0	0	0	0	0	
	- Cao cấp, cử nhân	304	372	386	136	144	134	26	26	26	14	14	13	
<b>5</b>	<b>Trình độ QLNN theo ngạch</b>	<b>480</b>	<b>477</b>	<b>452</b>	<b>144</b>	<b>140</b>	<b>137</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>26</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	
	- Chuyên viên (tương đương)	355	325	245	58	38	20	1	1	1	2	2	1	
	- Chuyên viên chính (tương đương)	122	146	205	83	96	114	23	23	1	8	6	0	
	- Chuyên viên cao cấp	3	6	2	3	6	3	0	0	24	4	6	13	



**THÔNG KÊ CẤP ỦY CƠ SỞ**  
(Nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020 và 2020 - 2025)

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 8

ST T	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4617</b>	<b>4804</b>	<b>4560</b>	<b>1010</b>	<b>1089</b>	<b>1023</b>	<b>936</b>	<b>827</b>	<b>766</b>	<b>776</b>	<b>649</b>	<b>581</b>	
	Trong đó:- Dân tộc thiểu số	344	394	439	85	96	115	97	76	62	50	37	39	
	- Tôn giáo	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Nữ	618	741	855	48	66	77	89	63	80	39	35	40	
	- Tái cử	2523	2928	2888	593	698	545	537	457	487	471	382	302	
	- Xuất thân là công nhân	27	31	1	11	9	0	1	0	0	5	6	0	
	- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	62	56	44	57	51	42	0	0	0	127	150	101	
	- Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND	30	25	22	30	25	22	0	0	0	9	5	5	
	- Cán bộ không là người địa phương	86	114	141	25	43	71	13	20	21	20	39	55	
<b>1</b>	<b>Tuổi đời</b>	<b>4617</b>	<b>4804</b>	<b>4560</b>	<b>1010</b>	<b>1089</b>	<b>1023</b>	<b>936</b>	<b>827</b>	<b>766</b>	<b>776</b>	<b>649</b>	<b>581</b>	
	- Từ 18 - 30 tuổi	194	134	215	4	2	10	0	0	0	0	0	0	
	- Từ 31 - 35 tuổi	454	582	488	44	66	55	24	19	13	14	5	8	
	- Từ 36 - 40 tuổi	906	882	857	148	135	151	110	96	119	71	58	53	
	- Từ 41 - 45 tuổi	1053	1263	1216	201	237	262	238	222	204	168	121	156	
	- Từ 46 - 50 tuổi	1142	955	965	302	266	251	298	259	224	271	204	164	
	- Từ 51 - 55 tuổi	675	674	609	243	301	232	199	173	161	183	181	132	
	- Trên 55 tuổi	193	314	210	68	82	62	67	58	45	69	80	68	
	<i>Tuổi bình quân</i>	43	44	43	46	47	46	47	47	46	48	48	47	

ST T	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Ủy viên ban thường vụ			Phó Bí thư			Bí thư			Ghi chú
		2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	2010- 2015	2015- 2020	2020- 2025	
<b>2</b>	<b>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ</b>	<b>4499</b>	<b>4737</b>	<b>4524</b>	<b>1010</b>	<b>1089</b>	<b>1023</b>	<b>936</b>	<b>827</b>	<b>766</b>	<b>776</b>	<b>649</b>	<b>581</b>	
	- Sơ cấp	275	83	10	8	29	0	5	0	1	1	2	0	
	- Trung cấp	1888	1332	126	443	342	1	118	68	8	88	67	2	
	- Cao đẳng	336	406	91	67	64	5	87	69	1	70	32	2	
	- Đại học	1816	2508	3590	440	594	872	699	610	611	502	409	370	
	- Thạc sỹ	181	401	696	49	56	140	27	80	142	111	132	200	
	- Tiến sỹ	3	7	11	3	4	5	0	0	3	4	7	7	
<b>3</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	
	- Phó giáo sư	0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	0	2	
	- Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>4</b>	<b>Trình độ lý luận chính trị</b>	<b>4436</b>	<b>4676</b>	<b>4427</b>	<b>1010</b>	<b>1089</b>	<b>1023</b>	<b>936</b>	<b>827</b>	<b>766</b>	<b>776</b>	<b>649</b>	<b>581</b>	
	- Sơ cấp, chưa qua đào tạo	1042	665	339	15	14	14	55	27	12	69	28	33	
	- Trung cấp	2915	3430	3275	870	910	851	779	673	564	505	410	295	
	- Cao cấp, cử nhân	479	581	813	125	165	158	102	127	190	202	211	253	
<b>5</b>	<b>Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch</b>	<b>2647</b>	<b>2953</b>	<b>3033</b>	<b>733</b>	<b>833</b>	<b>848</b>	<b>746</b>	<b>721</b>	<b>687</b>	<b>599</b>	<b>521</b>	<b>479</b>	
	- Chuyên viên (tương đương)	2262	2501	2557	669	756	771	685	631	571	454	371	325	
	- Chuyên viên chính (tương đương)	299	357	367	64	77	76	61	90	116	130	131	128	
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)	86	95	109	0	0	1	0	0	0	15	19	26	

\*

**THÔNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ**  
**DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ**  
*(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)*

Biểu số 9

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm				Ghi chú
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	
1	2	3	4	5		6
<b>1</b>	<b>Số lượng</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
	trong đó:					
	Nữ		1	1		
	Dân tộc thiểu số					
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác			3		
<b>2</b>	<b>Độ tuổi</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
	Dưới 45 tuổi					
	Từ 46 đến 50 tuổi	1	2			
	Từ 51 đến 55 tuổi	2	1	2		
	Từ 56 tuổi trở lên			1		
<b>3</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
	Trung cấp					
	Cao đẳng					
	Đại học	1				
	Thạc sỹ	2	2	2		
	Tiến sỹ		1	1		
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực đào tạo</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
	Nội chính, pháp luật	1				
	Quân đội					
	Công an					
	Kinh tế, tài chính	1				
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật		2	2		
	Khoa học xã hội, nhân văn		1	1		
	Xây dựng Đảng					
	Hành chính nhà nước	1				
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế					
	Khác					
<b>5</b>	<b>Chức danh khoa học</b>					
	Giáo sư					
	Phó giáo sư					
<b>6</b>	<b>Trình độ lý luận chính trị</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
	Sơ cấp, chưa qua đào tạo					
	Trung cấp					
	Cao cấp, cử nhân	3	3	3		

**THÔNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ  
TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY QUẢN LÝ**

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 10

STT	Chỉ tiêu	Điện BTV Tỉnh ủy quản lý			Điện BTV Huyện ủy quản lý			
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023
1	Số lượng	293	307	333		2.676	2.702	2.690
	Trong đó:	0	0	0		0	0	0
	Nữ	30	40	40		250	296	328
	Dân tộc thiểu số	12	14	11		244	232	280
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác	0	0	0		704	816	862
2	Độ tuổi	293	307	333		2.676	2.702	2.690
	Dưới 40 tuổi	17	24	12		505	608	432
	Từ 41 đến 45 tuổi	54	45	73		705	715	772
	Từ 46 đến 50 tuổi	95	77	97		733	665	750
	Từ 51 đến 55 tuổi	89	86	91		539	521	499
	Từ 56 tuổi trở lên	38	75	60		194	193	237
3	Trình độ chuyên môn	293	307	333		2.676	2.702	2.690
	Trung cấp	1	0	0		407	8	0
	Cao đẳng	1	0	0		155	50	20
	Đại học	243	103	108		1.775	2.077	1.991
	Thạc sỹ	46	198	217		338	558	672
	Tiến sỹ	2	6	8		1	9	7

STT	Chỉ tiêu	Diện BTV Tỉnh ủy quản lý				Diện BTV Huyện ủy quản lý			
		31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025	31/12/2010	31/12/2020	31/12/2023	30/6/2025
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực đào tạo</b>	<b>293</b>	<b>307</b>	<b>333</b>		<b>2.676</b>	<b>2.702</b>	<b>2.690</b>	
	Nội chính, pháp luật	42	35	39		492	636	641	
	Quân đội	11	13	15		190	188	193	
	Công an	6	8	12		185	198	211	
	Kinh tế, tài chính	105	104	108		329	336	370	
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật	46	40	43		62	91	82	
	Khoa học xã hội, nhân văn	41	44	47		743	658	590	
	Xây dựng Đảng	8	15	16		231	173	184	
	Hành chính nhà nước	10	12	7		40	35	102	
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế	0	1	0		0	0	0	
	Khác	24	35	46		404	387	317	
<b>5</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
	Giáo sư	0	0	0		0	0	0	
	Phó giáo sư	0	0	1		0	1	1	
<b>6</b>	<b>Trình độ lý luận chính trị</b>	<b>293</b>	<b>307</b>	<b>333</b>		<b>2.676</b>	<b>2.702</b>	<b>2.690</b>	
	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	0	0	0		177	55	62	
	Trung cấp	13	3	2		2.009	1.868	1.828	
	Cao cấp, cử nhân	280	304	331		490	779	800	

\*

## THÔNG KÊ KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu số 11

TT	Tiêu chí	Thời điểm				Ghi chú
		2010-2015	2015-2020	31/12/2020- 31/12/2023	31/12/2020- 30/6/2025	
<b>I</b>	<b>Khên thưởng tổ chức đảng và đảng viên</b>	<b>4.571</b>	<b>3.465</b>	<b>2.689</b>		
<b>I</b>	<b>Khên thưởng tổ chức đảng</b>	<b>1.559</b>	<b>488</b>	<b>219</b>		
a	Số tổ chức đảng cấp trên trực tiếp cơ sở được khên, chia ra:	4	8	12		
	- Tặng cờ	0	4	0		
	- Tặng bằng khên	4	4	12		
b	Số tổ chức cơ sở đảng được khên, chia ra:	849	631	428		
	- Tặng cờ	31	37	10		
	- Tặng bằng khên	76	88	29		
	- Tặng giấy khên	742	506	389		
c	Số đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở được khên, chia ra:	0	2	1		
	- Tặng bằng khên	0	1	0		
	- Tặng giấy khên	0	1	1		
d	Số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở được khên, chia ra:	710	768	547		
	- Tặng bằng khên	54	78	39		
	- Tặng giấy khên	656	690	508		
<b>2</b>	<b>Số đảng viên được khên, chia ra:</b>	<b>3.012</b>	<b>2.977</b>	<b>2.470</b>		
	- Tặng bằng khên	112	149	91		
	- Tặng giấy khên	2.900	2.828	2.379		
<b>II</b>	<b>Tặng huy hiệu Đảng</b>	<b>16.027</b>	<b>21.312</b>	<b>15.352</b>		
	- Huy hiệu Đảng 30 năm	7.400	5.053	1.575		
	- Huy hiệu Đảng 40 năm	3.594	3.149	3.962		
	- Huy hiệu Đảng 45 năm	75	5.855	1.547		
	- Huy hiệu Đảng 50 năm	2.670	4.257	2.249		
	- Huy hiệu Đảng 55 năm	1.419	1.921	4.424		
	- Huy hiệu Đảng 60 năm	387	556	1.187		
	- Huy hiệu Đảng 65 năm	461	242	163		
	- Huy hiệu Đảng 70 năm	21	278	77		
	- Huy hiệu Đảng 75 năm	0	1	168		
	- Huy hiệu Đảng 80 năm	0	0	0		
	- Huy hiệu Đảng 85 năm	0	0	0		
	- Huy hiệu Đảng 90 năm	0	0	0		

**\* THỐNG KÊ CẤP ỦY, CƠ QUAN THAM MƯU CỦA CẤP ỦY KIỂM TRA ĐẢNG VIÊN  
THEO ĐIỀU 30 ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

Biểu 12

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

(ĐVT: Đảng viên)

STT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra									Kết luận							
			BCHTW, BCT, Ban Bí thư	Các CQ tham mưu của TW	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu, của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	CQ tham mưu cấp ủy huyện	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Có vi phạm, khuyết điểm, chưa đến mức phải kỷ luật	Trong đó	Phải thi hành kỷ luật	Đa thi hành kỷ luật		
<b>A</b>	<b>NHIỆM KỲ 2010-2015</b>																		
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	<b>32.968</b>																	
	Trung ương																		
	Cấp tỉnh và tương đương	19			19									19					
	Cấp huyện và tương đương	404			0	336							68	267	15	14	1	1	
	Cấp cơ sở	32.545			0	68							5.723	31.847	396	231	40	40	
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	<b>5.918</b>			19	362							4.254	5.819	90	49	22	22	
	Ủy viên Trung ương	0																	
	Tỉnh ủy viên và tương đương	6			6									6					
	Huyện ủy viên và tương đương	110			13	97								99	3	2	1	1	1
	Đảng ủy viên	1.089				202							884	1.034	21	11	3	3	3
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	385				10							375	385					
	Chi ủy viên	4.328				53							2.995	4.295	66	36	18	18	18

STT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra										Kết luận			
			BCHTW, BCT, Ban Bí thư	Các CQ tham mưu của TW	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu, của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	CQ tham mưu cấp ủy huyện cơ sở	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đang ủy bộ phận	Chỉ bộ	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Trong đó		
														Có vi phạm, khuyết điểm, chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	<b>32.968</b>			<b>19</b>	<b>0</b>	<b>404</b>	<b>0</b>	<b>5.723</b>	<b>0</b>	<b>26.822</b>	<b>32.181</b>	<b>389</b>	<b>198</b>	<b>39</b>	<b>39</b>
	Đảng	5.982			7		123		1.021		4.831	5.870	108	86	14	14
	Hành chính, Nhà nước	5.191			12		146		1.639		3.394	5.076	125	97	6	6
	Đoàn thể	1.361					13		549		799	1.307	17	7	2	2
	Lực lượng vũ trang	1.380					69		323		988	1.023				
	Sự nghiệp công lập	1.310					8		430		872	1.332				
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	3.465					15		441		3.009	3.321	112			
	Các lĩnh vực khác	14.279					30		1.320		12.929	14.252	27	8	17	17
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>	<b>32.611</b>			<b>19</b>	<b>0</b>	<b>379</b>	<b>0</b>	<b>5.667</b>	<b>0</b>	<b>26.546</b>					
	Thực hiện tốt	32.201			19		354		5.549		26.279					
	Thực hiện chưa tốt	410					25		118		267					
	Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật	235					3		89		143					
	Phải thi hành kỷ luật	41					14		15		12					
	Đã thi hành kỷ luật	41					14		15		12					
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỲ 2015-2020</b>															
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	<b>40.285</b>			<b>37</b>		<b>433</b>		<b>5.107</b>	<b>21</b>	<b>34.687</b>	<b>39.396</b>	<b>500</b>	<b>79</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
	Trung ương															
	Cấp tỉnh và tương đương	38			37		1					38				
	Cấp huyện và tương đương	409					408				1	327	26	21	5	5
	Cấp cơ sở	39.838					24		5.107	21	34.686	39.031	474	58	15	15



STT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra										Kết luận			
			BCHTW, BCT, Ban Bí thư	Các CQ tham mưu của TW	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu, của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	CQ tham mưu cấp ủy huyện	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Có vi phạm, khuyết điểm, chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	<b>6.547</b>			<b>37</b>	<b>0</b>	<b>395</b>	<b>0</b>	<b>3.979</b>	<b>9</b>	<b>2.127</b>	<b>5.856</b>	<b>219</b>	<b>27</b>	<b>13</b>	<b>13</b>
	Ủy viên Trung ương															
	Tỉnh ủy viên và tương đương	<b>12</b>			<b>12</b>							<b>12</b>				
	Huyện ủy viên và tương đương	<b>87</b>			<b>25</b>		<b>60</b>	<b>1</b>			<b>1</b>	<b>80</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
	Đảng ủy viên	<b>1.119</b>					<b>287</b>		<b>825</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>1.073</b>	<b>34</b>	<b>21</b>	<b>9</b>	<b>9</b>
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận															
	Chi ủy viên	<b>5.329</b>					<b>48</b>		<b>3.153</b>	<b>8</b>	<b>2.120</b>	<b>4.691</b>	<b>181</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	<b>40.283</b>			<b>35</b>		<b>433</b>		<b>5.107</b>	<b>22</b>	<b>34.686</b>	<b>36.540</b>	<b>500</b>	<b>79</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
	Đảng	<b>3.318</b>			<b>18</b>		<b>190</b>		<b>1.343</b>	<b>1</b>	<b>1.766</b>	<b>2.986</b>	<b>84</b>	<b>15</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	Hành chính, Nhà nước	<b>6.168</b>			<b>17</b>		<b>178</b>		<b>1.200</b>		<b>4.773</b>	<b>5.128</b>	<b>203</b>	<b>15</b>	<b>7</b>	<b>7</b>
	Đoàn thể	<b>1.727</b>					<b>5</b>		<b>434</b>		<b>1.288</b>	<b>783</b>	<b>49</b>			
	Lực lượng vũ trang	<b>1.424</b>					<b>35</b>		<b>351</b>		<b>1.038</b>	<b>823</b>	<b>19</b>		<b>1</b>	<b>1</b>
	Sự nghiệp công lập	<b>1.787</b>					<b>4</b>		<b>212</b>		<b>1.571</b>	<b>1.787</b>				
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	<b>3.745</b>					<b>16</b>		<b>824</b>	<b>21</b>	<b>2.884</b>	<b>3.740</b>	<b>5</b>			
	Các lĩnh vực khác	<b>22.114</b>					<b>5</b>		<b>743</b>		<b>21.366</b>	<b>21.293</b>	<b>140</b>	<b>49</b>	<b>9</b>	<b>9</b>
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>	<b>38.992</b>			<b>37</b>		<b>411</b>		<b>4.921</b>	<b>21</b>	<b>33.602</b>					
	Thực hiện tốt	<b>38.492</b>			<b>37</b>		<b>379</b>		<b>4.828</b>	<b>21</b>	<b>33.227</b>					
	Thực hiện chưa tốt	<b>500</b>					<b>32</b>		<b>93</b>		<b>375</b>					
	Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật	<b>71</b>					<b>17</b>		<b>9</b>		<b>45</b>					
	Phải thi hành kỷ luật	<b>152</b>					<b>6</b>		<b>42</b>		<b>104</b>					
	Đã thi hành kỷ luật	<b>152</b>					<b>6</b>		<b>42</b>		<b>104</b>					

STT	Đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra										Kết luận				
		Tổng số đảng viên được kiểm tra	BCHTW, BCT, Ban Bí thư	Các CQ tham mưu của TW	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu, của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	CQ tham mưu cấp ủy huyện	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Có vi phạm, khuyết điểm, chưa đến mức phải kỷ luật	Phải thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2021-2025</b> (Tính đến 31/12/2023)															
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	28.713														
	Trung ương															
	Cấp tỉnh và tương đương	32			32						31	1				
	Cấp huyện và tương đương	325				325					198	47	42	9	9	
	Cấp cơ sở	28.356				31	219	2.691	56	25.359	38.753	269	13	1	1	
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	4.274														
	Ủy viên Trung ương															
	Tỉnh ủy viên và tương đương	12			12											
	Huyện ủy viên và tương đương	84			15	69					71	5	4			
	Đảng ủy viên	804			5	211	17	570	1	725	54	40	9	9		
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	12						12								
	Chi ủy viên	3.362				59		1.883	2	1.418	3.218	90	11			
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	28.711														
	Đảng	3.839			17	123	219	989		2.491	3.654	83	21	5	5	
	Hành chính, Nhà nước	5.033			12	152		672		4.197	4.884	138	31	4	4	
	Đoàn thể	1.035			3	2		253		777	979	54	1			
	Lực lượng vũ trang	1.239			0	60		219		960	637	8	0			
	Sự nghiệp công lập	738				2		64		672	738					









**THÔNG KÊ KIỂM TRA ĐẢNG VIÊN KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM  
CỦA CẤP ỦY, BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY VÀ CHI BỘ**  
(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu 14

STT	Đảng viên được kiểm tra	Tổng số đảng viên được kiểm tra						Cấp kiểm tra						Nội dung kiểm tra								Kết luận	
		BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV HU	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chỉnh sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số cơ vi phạm	Trong đó	Đã thi hành kỷ luật	Chưa thi hành kỷ luật					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
<b>A</b>	<b>NHIỆM KỲ 2010-2015</b>																						
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	12	0	0	0	0	0	12	10	1	3	3	5	4	0	3	11	5	5				
	Trung ương	0																					
	Cấp tỉnh và tương đương	0																					
	Cấp huyện và tương đương	0																					
	Cấp cơ sở	12					12	10	1	3	3	5	4	0	3	11	5	5					
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	0					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
	Ủy viên Trung ương	0																					
	Tỉnh ủy viên và tương đương	0																					
	Huyện ủy viên và tương đương	0																					
	Đảng ủy viên	0																					
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0																					
	Chi ủy viên	0																					
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	12	0	0	0	0	0	12	6	1	3	3	5	4	0	3	11	5	5				
	Đảng	1					1	1	1				1			1							
	Hành chính, Nhà nước	1					1									1							
	Đoàn thể	0																					
	Lực lượng vũ trang	0																					
	Sự nghiệp công lập	0																					
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	4					4										3	2	2				
	Lĩnh vực khác	6					6	4	1	3	3	4	4		3	6	3	3	3				

STT	Đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra						Nội dung kiểm tra								Kết luận		
		Tổng số đảng viên được kiểm tra	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV HU	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chỉ bộ	Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số có vi phạm	Phải thi hành kỷ luật
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>																	
	Số có vi phạm	11						5	1	3	3	4	3		3			
	Phải thi hành kỷ luật	5					3	1	3	3	3	3	3		3			
	Đã thi hành kỷ luật	5					3	1	3	3	3	3	3		3			
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỲ 2015-2020</b>																	
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	11	0	0	0	0	0	8	1	3	3	4	4	0	4	11	6	6
	Trung ương	0																
	Cấp tỉnh và tương đương	0																
	Cấp huyện và tương đương	0																
	Cấp cơ sở	11						8	1	3	3	4	4	0	4	11	6	6
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy viên Trung ương	0																
	Tỉnh ủy viên và tương đương	0																
	Huyện ủy viên và tương đương	0																
	Đảng ủy viên	0																
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0																
	Chi ủy viên	0																
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	11	0	0	0	0	0	8	1	3	3	4	4	0	4	11	6	6
	Đảng	0																
	Hành chính, Nhà nước	2					2		1	1	1	1	1	1	1	2		
	Đoàn thể	0																
	Lực lượng vũ trang	1									1					1		
	Sự nghiệp công lập	0																
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	5					4						1			5	4	4
	Lĩnh vực khác	3					2	1	2	2	2	2	2		3	2	2	2



STT	Đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra						Nội dung kiểm tra								Kết luận						
		BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV HU	Dang ủy cơ sở, BTV dang ủy cơ sở	Dang ủy bộ phận	Chỉ bộ	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số cơ vi phạm	Phạt thi hành kỷ luật	Trong đó Đa thi hành kỷ luật				
	<b>Đảng viên được kiểm tra</b>																					
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>																					
	Số cơ vi phạm						10					8	1	3	4	4						
	Phạt thi hành kỷ luật						6					5		2	3	2						
	Đã thi hành kỷ luật						6					5		2	3	2						
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>																					
<b>I</b>	Cấp quản lý đảng viên	54	0	15	8	2	29					15	7	7	21	16	8	0	10	38	15	13
	Trung ương	0																				
	Cấp tỉnh và tương đương	0																				
	Cấp huyện và tương đương	10									10											
	Cấp cơ sở	44									5	8	7	7	18	14	8	0	10	30	12	10
<b>II</b>	Là cấp ủy viên các cấp	24	0	14	8	2	0					1	0	0	11	2	0	0	2	19	6	6
	Ủy viên Trung ương	0																				
	Tỉnh ủy viên và tương đương	0																				
	Huyện ủy viên và tương đương	2									2									2	1	1
	Đảng ủy viên	8									7	1	0	2						7	3	3
	Đang ủy viên đảng ủy bộ phận	0																				
	Chỉ ủy viên	14									5	7		2	7	2				10	2	2
<b>III</b>	Đang viên ở các lĩnh vực	54	0	15	8	2	29					15	7	7	21	16	8	0	10	38	15	13
	Đang	7									2	1	4	4	3					2	1	1
	Hành chính, Nhà nước	12									5	1	3	1	5	6	1	0	1	8	4	4
	Đoàn thể	0									0	0	0	0								
	Lực lượng vũ trang	14									8	1	5	2						11	3	3
	Sự nghiệp công lập	1																				
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	6													3	3				6	2	2











**THỐNG KÊ GIÁM SÁT ĐẢNG VIÊN THEO ĐIỀU 30 ĐIỀU LỆ ĐẢNG**  
(Giám sát theo chuyên đề)

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

(ĐVT: đảng viên)

STT	Đảng viên được giám sát	Cấp giám sát												Nội dung				Kết quả							
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
		Tổng số đảng viên được giám sát																							
A	NHIỆM KỲ 2010-2015	16080																							
I	Cấp quản lý đảng viên	16080																							
	Trung ương																								
	Cấp tỉnh và tương đương	46																							
	Cấp huyện và tương đương	280																							
	Cấp cơ sở	15754																							
II	Cấp ủy viên các cấp	3487																							
	Ủy viên Trung ương																								
	Tỉnh ủy viên và tương đương	13																							
	Trong đó: Bí thư	0																							
	Phó Bí thư	0																							
	Huyện ủy viên và tương đương	42																							
	Trong đó: Bí thư	18																							
	Phó Bí thư	0																							
	Đảng ủy viên	611																							
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	6																							
	Chỉ ủy viên	2815																							
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	15837																							
	Đảng	2405																							
	Hành chính, Nhà nước	2495																							
	Đoàn thể	1533																							
	Lực lượng vũ trang	921																							
		Số đảng viên thực hiện tốt																							
		Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm																							
		Số đảng viên chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm																							
		Khác																							
		Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân																							
		Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương																							
		Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác																							
		Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước																							
		Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên																							
		Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên																							
		Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm																							
		Chỉ bộ																							
		Đảng ủy bộ phận																							
		Các CQ tham mưu của cấp ủy và tương đương																							
		Huyện ủy, BTV HU và tương đương																							
		Các CQ tham mưu của cấp ủy và tương đương																							
		Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương																							
		Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương																							
		Huyện ủy, BTV HU và tương đương																							
		Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương																							
		Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở																							
		Đảng ủy bộ phận																							
		Chỉ bộ																							
		Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm																							
		Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên																							
		Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên																							
		Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước																							
		Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác																							
		Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương																							
		Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân																							
		Khác																							
		Số đảng viên thực hiện tốt																							
		Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm																							
		Số đảng viên chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm																							





STT	Đảng viên được giám sát	Tổng số đảng viên được giám sát	Cấp giám sát										Nội dung					Kết quả					
			BCH TW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Các CQ tham mưu của Trung ương	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chi bộ	Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống, tách nhiệm nêu gương	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số đảng viên thực hiện tốt	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm	Số đảng viên chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	
C	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>	15528			113			651	0	1822	12	12930	6776	4693	7879	7323	7223	3941	120	1663	15367	9	5
I	Cấp quản lý đảng viên																						
	Trung ương																						
	Cấp tỉnh và tương đương	113			113							120	120	120	120	120	120	120	120	120	120		
	Cấp huyện và tương đương	543			0			543				200	186	298	407	223	186	0	85	521	8	2	
	Cấp cơ sở	14872			0			108		1822	12	12930	6456	4387	7461	6796	6880	3635	0	1458	14726	1	3
II	Cấp ủy viên các cấp	2913			113			597	0	1470	5	728	1068	783	1272	1363	1625	755	119	389	2792	9	5
	Ủy viên Trung ương																						
	Tỉnh ủy viên và tương đương	45			45							45	45	45	45	45	45	45	45	45	45		
	Trong đó: Bí thư	43			43																		
	Phó Bí thư	2			2																		
	Huyện ủy viên và tương đương	157			68			89				95	95	110	126	106	95	70	81	154			
	Trong đó: Bí thư	45			0			45				11	11	0	40	14	11	1	11	45			
	Phó Bí thư	0			0			0															
	Đảng ủy viên	695			0			440		254		1	376	217	392	293	330	221	4	92	615	8	2
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0			0			0		0													
	Chi ủy viên	2016			0			68		1216	5	727	552	426	725	899	1144	394	171	1978	1	3	
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	15535			120			646		1875	12	12882	6769	4686	7872	7316	7270	3880	126	1641	15366	9	5
	Đảng	1367			68			314		582		403	709	338	437	547	676	323	70	189	1359	5	4
	Hành chính, Nhà nước	2404			52			280		405	3	1664	1253	1052	1374	1362	1335	528	56	360	2399	4	1
	Đoàn thể	731						3		137		591	144	88	295	166	266	109	107	731			
	Lực lượng vũ trang	689						30		157		502	354	58	411	377	344	81	40	534			
	Sự nghiệp công lập	698						6		53		639	680	680	680	680	693	156	76	698			
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	1568						10		113	9	1436	837	826	830	1362	942	868	72	1567			
	Các lĩnh vực khác	8078						3		428		7647	2792	1644	3845	2822	3014	1815	797	8078			



STT	Tổ chức đảng được giám sát	Cấp giám sát							Nội dung							Kết quả						
		BCH Trung ương, Bộ Chính trị, BBT	Các CQ tham mưu của Trung ương	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh	Huyện ủy, BTV HTU và tương đương	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Đảng ủy bộ phận	Chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng	Chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quan liêu, phiền hà, đùn đẩy trách nhiệm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp ủy giao	Công tác cán bộ	Giai quyết khiếu nại, tố cáo	Khắc	Số tổ chức đảng thực hiện tốt	Số tổ chức đảng có vi phạm, khuyết điểm	Số tổ chức đảng chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm				
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>																					
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương																					
	Các CQ tham mưu của Trung ương																					
	Tỉnh ủy, BTV, thường trực tỉnh ủy và tương đương																					
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương																					
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương																					
	Huyện ủy, BTV, thường trực huyện ủy	62																				
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện	0																				
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	633		4	421	208																
	Đảng ủy bộ phận	86			76	10																
	Chi bộ, Chi ủy	1305		107	71	1124	3															
	Khác (Ban Chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng...)																					
<b>D</b>	<b>Cộng</b>	<b>3021</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>438</b>	<b>387</b>	<b>0</b>	<b>2186</b>	<b>0</b>	<b>1974</b>	<b>1544</b>	<b>1853</b>	<b>733</b>	<b>490</b>	<b>156</b>	<b>156</b>	<b>131</b>	<b>155</b>	<b>280</b>	<b>2975</b>	<b>21</b>	<b>6</b>

**THÔNG KÊ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP VÀ CHI BỘ**

(hèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu 18

(ĐVT: lượt đảng viên)

STT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật				Cấp thi hành kỷ luật				Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật								
		Khẩn trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khởi tố	Đình chỉ sinh hoạt đảng	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên	Xóa tên, cho rút	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV HU	Bảng ủy cơ sở, BTV BU cơ sở	Chỉ bộ	Những điều đảng viên không được làm	Tiền chuẩn đảng viên, tiền chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Trư tương chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó	Xử lý khác			
I	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
<b>A</b>	<b>NHIỆM KỶ 2010-2015</b>																											
I	Cấp quản lý đảng viên	2.816	2.110	629	35	42	28	0	2	1	1	117	1.433	1.266	1.358	744	1.107	1.007	815	1.118	10	0	1.144	23	18		2	
	Trung ương	1			1					1					1	1							1					
	Cấp tỉnh và tương đương	1			1						1				1	1							1					
	Cấp huyện và tương đương	101	32	21	9	39	4				101				41	13	47	25	28	23	2	39	23	18			2	
	Cấp cơ sở	2.713	2.078	608	24	3	24	0	2	0	16	1.433	1.266	1.315	729	1.060	982	787	1.095	8	1.103							
II	Là cấp ủy viên các cấp	620	179	62	367	12	0	0	0	0	334	60	195	359	449	368	404	461	429	382	2	481	9	9		1		
	Ủy viên Trung ương	1			1						1				1	1							1					
	Tỉnh ủy viên và tương đương	34	9	6	19					2	28	0	18	19	22	24	20	18	20	18		24						
	Huyện ủy viên và tương đương	110	21	12	73	4				67	20	12	68	77	80	85	78	73	78	73		85	3	3		1		
	Đảng ủy viên	18	8	0	3	7					11	7			9	11	6	3			2	13	6	6				
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	457	141	44	271	1				264	1	176	273	343	296	349	331	291	331	291		358						
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	2.816	2.110	629	35	42	12	0	2	0	0	55	744	675	1.368	744	1.107	1.007	815	1.118	8	1.146	23	18		2		
	Đảng	413	287	107	15	4					11	171	61	211	82	83	189	192	192	71	1	80						
	Hành chính, Nhà nước	568	399	153	6	10	3				21	186	165	357	153	229	169	140	169	140	6	153	6	6		1		
	Đoàn thể	153	123	30							1	65	16	69	64	108	74	62	74	62		59	1	1				
	Lực lượng vũ trang	66	47	15	1	3		2	0	0	7	25	11	38	22	28	25	24	24	30		30						
	Sự nghiệp công lập	19	14	5							0	1			6	5	5	5	5	5		5						
	SXKD, dịch vụ	207	130	73		4	9			4	32	72	76	21	21	72	61	25	61	25		35	4	4		1		
	Lĩnh vực khác	1.390	1.110	246	13	21				11	264	350	611	460	753	379	290	785	290	785	1	784	12	7				
IV	Đảng viên bị THKT từ nhiệm vụ	1.323	836	460	11	16	12	0	2	0	0	54	685	608	401	40	100	551	359	115	10	307	11	10		2		
	Kiểm tra theo Điều 30 của ĐLĐ	4	4									4			4	4	2		2									
	Kiểm tra khi có ĐHVP của BTV cấp ủy và chi bộ	157	87	58	10	2				5	139	13	128	15	28	36	24	8	24	8		77	2	1		2		
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp	1			1						1		1									1						
	Khác	1.161	745	402		14	12	0	2		49	541	595	272	25	68	511	333	107	107	10	229	9	9				
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỶ 2015-2020</b>																											
I	Cấp quản lý đảng viên	3.520	2.898	514	73	35	21	0	4	0	3	132	1.105	2.280	1.245	726	387	1.660	815	830	8	0	1.025	12	26	13	3	
	Trung ương																											
	Cấp tỉnh và tương đương	3	1		1	1				3					1	2	2	3	1	2		2						
	Cấp huyện và tương đương	115	38	18	44	15				110	1	3	60	64	30	45	67	68	67	68	1	0	79	7	23	13		
	Cấp cơ sở	3.402	2.859	496	28	19	21	0	4	0	0	22	1.104	2.277	1.184	660	355	1.612	747	760	7	0	944	5	3	0	3	



STT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật				Cấp thi hành kỷ luật				Nội dung vi phạm									Xử lý pháp luật							
		Khẩn trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khởi tử	Đình chỉ sinh hoạt đảng	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên	Xóa tên, cho rút	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV HU	Đảng ủy cơ sở, BTV ĐU cơ sở	Chỉ bộ	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó		
																								Biện pháp (kể cả an treo)	Hình thức khác	
Tổng số đảng viên bị THKL		Khẩn trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khởi tử	Đình chỉ sinh hoạt đảng	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên	Xóa tên, cho rút	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV HU	Đảng ủy cơ sở, BTV ĐU cơ sở	Chỉ bộ	297	992	811	1.441	983	714	5	923	1.131	48	45	0	
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	2.064	1.702	240	33	89	13	1	56	0	5	124	475	1.456	297	992	811	1.441	983	714	5	923	1.131	48	45	0
	Đảng	124	92	22	3	7						60	47	33	26	32	88	40	21	0	21	25	2	2		
	Hành chính, Nhà nước	340	290	23	7	20		1	1	0	5	43	91	186	68	57	78	190	76	46	5	46	90	17	18	
	Đoàn thể	31	27	2	0	2						3	12	16	5	9	12	23	17	6		6				
	Lực lượng vũ trang	27	22	4	0	1						6	18	1	4	5	14	5	4	4		4	7	1	1	
	Sự nghiệp công lập	70	51	12	2	5						36	26	21	58	58	69	69	59	37		37	37	0		
	SXKD, dịch vụ	118	76	33	2	7	13					39	71	32	46	46	107	107	60	47		46	47	4		
	Lĩnh vực khác	1.354	1.144	144	19	47		55			42	231	1.092	137	792	580	950	726	553			763	919	24	24	
IV	Đảng viên bị THKL từ nhiệm vụ	899	754	102	11	32	13	0	55	0	0	48	239	604	192	12	69	482	102	20	2	0	167	24	20	0
	Kiểm tra theo Điều 30 của ĐLĐ	1									1							1	1							
	Kiểm tra khi có DHVP của BTV cấp ủy và chỉ bộ	32	19	8	4	1					3	13	16	9	3	7	25	3	3		1		1	1	1	
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp	3	2		1							3		3	3	1	2			1		1				
	Khác	863	733	93	6	31	13	55			44	223	588	180	9	61	454	98	19	1	1	166	23	19	1	

## THỐNG KÊ THI HÀNH KỶ LUẬT TỔ CHỨC ĐẢNG CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP

Biểu 19

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

TT	Tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật			Cấp thi hành kỷ luật			Nội dung vi phạm										Khác
		Khien trách	Cảnh cáo	Giải tán	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV huyện ủy	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	Công tác cán bộ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	<b>NHIỆM KỶ 2010-2015</b>																	
I	<b>Tổ chức đảng bị THKL</b>	62	47	15	0	0	0	20	42	44	39	50	35	32	32	9	0	32
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương	0																
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0																
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương	0																
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0																
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0																
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy	0																
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0																
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	17	12	5				17		11	9	14	11	8	8	9		8
	Đảng ủy bộ phận	0																
	Chi bộ, Chi ủy	45	35	10				3	42	33	30	36	24	24	24			24
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng,...)	0																
II	<b>Bị THKT từ nhiệm vụ</b>	29	23	6	0	0	0	9	19	12	6	18	3	0	0	1	0	0
	Kiểm tra theo Điều 30 của DLĐ	0																
	Kiểm tra khi có DHVP của BTV cấp ủy và chi bộ	11	8	3				5	6	8	4	4	3					
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp	0																
	Khác	18	15	3				4	13	4	2	14						
B	<b>NHIỆM KỶ 2015-2020</b>																	
I	<b>Tổ chức đảng bị THKL</b>	59	51	8	0	0	0	14	45	9	3	16	1	0	0	1	0	0
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương	0																

(ĐIYT- Tô chức đảng)

TT	Tổ chức đăng bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật			Cấp thi hành kỷ luật			Nội dung vi phạm															
		Khiến trách	Cảnh cáo	Giai tán	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV huyện ủy	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Việc chấp hành (Trong lĩnh chính trị, kỷ luật, chỉ thị, quyết định, nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Đảng)	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, tên huyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	Công tác cán bộ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Khác						
	<b>Tổng số tổ chức đăng bị thi hành kỷ luật</b>																						
	0																						
	Các CQ tham mưu của Trung ương																						
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương																						
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương																						
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương																						
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	8	3							11						1	0						
	Đảng ủy bộ phận	0	0																				
	Chỉ bộ, Chỉ ủy	43	5							3	45					3							
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng,...)																						
<b>II</b>	<b>Bị THKT từ nhiệm vụ</b>	24	22	2	0	0	0	0	0	5	19					3	16	1	0	0	0		
	Kiểm tra theo Điều 30 của ĐLĐ																						
	Kiểm tra khi có ĐHVP của BTV cấp ủy và chỉ bộ	11	10	1						2	9					1	6	1			1		
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp																						
	Khác	13	12	1						3	10					2	10						
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỶ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>																						
<b>I</b>	<b>Tổ chức đăng bị THKL</b>	37	31	6	0	0	0	0	0	16	21					2	9	0	0	0	1	0	2
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương																						
	Các CQ tham mưu của Trung ương																						
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương																						
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương																						
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy																						
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương																						
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	10	8	2						11						1	2				1	1	1
	Đảng ủy bộ phận	1	1	0												1							0



TT	Tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật			Cấp thi hành kỷ luật				Nội dung vi phạm								
		Hiện trích	Cảnh cáo	Giải tán	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy	Huyện ủy, BTV huyện ủy	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, tên luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	Công tác cán bộ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Khác
	Chi bộ, Chi ủy	22	4				5	21	1	1	7						1
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng...)																
II	Bị THKT từ nhiệm vụ	14	2	0	0	0	7	8	4	1	9			0	0	0	1
	Kiểm tra theo Điều 30 của DLĐ	1					1				1						
	Kiểm tra khi có DHYP của BTV cấp ủy và chi bộ	7	1				4	3	3		5						
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp	1	1				1	1	1								
	Khác	5	4	1			1	5			3						1

## THÔNG KÊ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu 20

(ĐVT: Đảng viên)

ST T	Đảng viên khiếu nại kỷ luật đảng	Đã giải quyết xong	Cấp giải quyết khiếu nại								Nội dung khiếu nại						Kết luận					
			BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Tỉnh ủy và tương đương	BTV tỉnh ủy và tương đương	Huyện ủy và tương đương	BTV huyện ủy và tương đương	Đảng ủy cơ sở	BTV đảng ủy cơ sở	Nội dung vi phạm	Hình thức kỷ luật	Nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền	Cho rút đơn, không xem xét giải quyết	Giữ nguyên hình thức kỷ luật	Thay đổi hình thức kỷ luật	Tăng hình thức kỷ luật	Giảm hình thức kỷ luật	Xoá kỷ luật	Vận dụng phương hướng, phương châm THKL	Nguyên nhân thay đổi hình thức kỷ luật	Khác	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
<b>A</b>	<b>NHIỆM KỶ 2010-2015</b>																					
I	Cấp quản lý đảng viên	20		1	0	5	8	6	0	14	19	1	0	13	7	0	0	7	1	3	1	
	Trung ương																					
	Cấp tỉnh và tương đương	1		1						1	1											
	Cấp huyện và tương đương	4		0	4					3	4				3				1	2	1	
	Cấp cơ sở	15		0	1	8	6			10	14	1		11	4					1		
II	Cấp quyết định kỷ luật	20		0	11	2	4	3	0	3	8	1	0	12	6	0	0	6	1	3	1	
	BCHTW, Bộ Chính trị, BBT																					
	UBKT Trung ương																					
	Tỉnh ủy và tương đương																					
	BTV tỉnh ủy và tương đương																					
	UBKT tỉnh ủy và tương đương																					
	Huyện ủy và tương đương																					
	BTV huyện ủy và tương đương	5			3	2					2			5	0							
	UBKT huyện ủy và tương đương	7			4		3			2	2			4	2			2	0	1		
	Đảng ủy cơ sở	2			1		1			1	1	1		0	2			2	1			
	BTV đảng ủy cơ sở																					
	UBKT đảng ủy cơ sở																					
	Chi bộ	6			3			3			3			3	2			2	0	2	1	
	GO đúng thời gian quy định	14			11		2	1														
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỶ 2015-2020</b>																					
I	Cấp quản lý đảng viên	10		6	0	0	3	1	0	6	10	0	0	3	6	1	0	6	2	3	2	
	Trung ương																					
	Cấp tỉnh và tương đương																					
	Cấp huyện và tương đương	2		2						2	2			2	1						1	
	Cấp cơ sở	8		4			3	1		4	8			1	5	1		5	2	3	1	









**THỐNG KÊ KIỂM TRA ĐẢNG VIÊN KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP**  
(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

TT	Đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Nội dung kiểm tra										Kết luận	
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Chấp hành NQ, CT, quy định, KL của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cô ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Có vi phạm	Trong đó	
	Tổng số đảng viên được kiểm tra	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
<b>A</b>	<b>NHIỆM KỲ 2010-2015</b>																
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	0	21	219	1.168	512	35	179	264	541	172	33	0	204	1.177	599	584
	Trung ương		5			5	5	5	5					5	5		
	Cấp tỉnh và tương đương		16	148	1	76	16	39	33	82	32	1		55	158	53	48
	Cấp huyện và tương đương			71	1.167	431	14	135	226	454	135	32		144	1.014	546	536
	Cấp cơ sở				400	170	0	44	104	217	53	1	0	99	505	273	269
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	0															
	Ủy viên Trung ương																
	Tỉnh ủy viên và tương đương		1														
	Huyện ủy viên và tương đương		8	15		3		3	1	8	1			5	14	5	5
	Đảng ủy viên		12	107	40	56		13	15	49	6	1		26	136	57	53
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0															
	Chi ủy viên	396		36	360	111		28	88	160	46			68	355	211	211
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	1.408	21	219	1.168	489	35	179	264	553	170	33	0	212	1.176	599	584
	Đảng	280	7	60	213	134	7	34	13	110	12			51	250	145	145
	Hành chính, Nhà nước	388	12	76	300	166	19	85	56	108	68	21	0	71	323	205	202
	Đoàn thể	40	2	4	34	14	2	7	7	17	5			5	24	13	12
	Lực lượng vũ trang	85		29	56	30		2	5	38	25			5	79	4	4
	Sự nghiệp công lập	7		1	6	7	7	7	7	7	7						
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	47		10	37	15		2	2	18	3	1		6	46	19	19
	Lĩnh vực khác	561		39	522	123		42	174	255	50	11		74	454	213	202
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>																
	Có vi phạm	1.096	21	177	898	390		121	208	445	92	3		100			
	Phải thi hành kỷ luật	584		55	529	188		108	85	202	44	3		82			
	Đã thi hành kỷ luật	584		55	529	188		108	85	202	44	3		82			

TT	Đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Nội dung kiểm tra										Kết luận	
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiền chuẩn đảng viên, tiền chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Chấp hànhNQ, CT, quy định, K.L của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cô ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Có vi phạm	Trong đó	
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỲ 2015-2020</b>																
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>257</b>	<b>1.207</b>	<b>438</b>	<b>26</b>	<b>384</b>	<b>347</b>	<b>576</b>	<b>206</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>293</b>	<b>1.225</b>	<b>401</b>	<b>399</b>
	Trung ương																
	Cấp tỉnh và tương đương		2			2	2	2	2	2	2			2	2	1	1
	Cấp huyện và tương đương		9	160	0	69	9	59	27	102	40			46	144	41	41
	Cấp cơ sở			97	1.207	367	15	323	318	472	164			245	1.079	359	357
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>205</b>	<b>680</b>	<b>283</b>	<b>11</b>	<b>229</b>	<b>161</b>	<b>365</b>	<b>104</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>227</b>	<b>766</b>	<b>198</b>	<b>198</b>
	Ủy viên Trung ương																
	Tỉnh ủy viên và tương đương		1			1	1	1	1	1	1			1	1	1	1
	Huyện ủy viên và tương đương		7	11		9	7	11	13	11	7			12	16	4	4
	Đảng ủy viên		3	143	25	47	3	55	35	80	10			56	130	39	39
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			5										5	5	1	1
	Chi ủy viên			46	655	226	0	162	112	273	86			153	614	153	153
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>257</b>	<b>1.208</b>	<b>397</b>	<b>26</b>	<b>384</b>	<b>346</b>	<b>576</b>	<b>206</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>292</b>	<b>1.217</b>	<b>401</b>	<b>399</b>
	Đảng		2	72	402	207	2	94	26	212	47			44	449	96	96
	Hành chính, Nhà nước		8	98	257	60	12	81	94	141	29			66	305	117	115
	Đoàn thể		1	9	81	18	1	24	6	32	17			20	78	47	47
	Lực lượng vũ trang			38	64	37		10	6	42	39			48	98	.16	16
	Sự nghiệp công lập			2	11	11	11	11	15	13	11				2		
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			15	43	19		21		49	23			3	44	22	22
	Lĩnh vực khác			23	350	45		143	199	87	40			111	241	103	103
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>																
	Có vi phạm		11	221	985	301		264	203	437	135			145			
	Phải thi hành kỷ luật		1	77	313	62		104	127	138	35			33			
	Đã thi hành kỷ luật		1	77	313	62		104	127	138	35			33			



TT	Đảng viên được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Nội dung kiểm tra										Kết luận	
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Chấp hành NQ, CT, quy định, pháp luật của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cô ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Có vi phạm	Trong đó	Đã thi hành kỷ luật
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>																
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>266</b>	<b>1.222</b>	<b>341</b>	<b>43</b>	<b>323</b>	<b>625</b>	<b>526</b>	<b>101</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>324</b>	<b>1.088</b>	<b>222</b>	<b>223</b>
	Trung ương	0															
	Cấp tỉnh và tương đương	8	8			8	8	8	8	8	8	8		8	8	1	1
	Cấp huyện và tương đương	201	3	198		59	3	44	71	79	21	3		48	165	44	40
	Cấp cơ sở	1.290	68	1.222	1.222	274	32	271	546	439	72			268	915	177	182
<b>II</b>	<b>Là cấp ủy viên các cấp</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>209</b>	<b>730</b>	<b>207</b>	<b>13</b>	<b>162</b>	<b>364</b>	<b>339</b>	<b>42</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>197</b>	<b>692</b>	<b>114</b>	<b>111</b>
	Ủy viên Trung ương	0															
	Tỉnh ủy viên và tương đương	1	1			1	1	1	1	1	1	1		1	1		
	Huyện ủy viên và tương đương	19	3	16		7	3	7	5	6	3	3		4	15	1	1
	Đảng ủy viên	225	5	168	52	48	7	61	76	45	9	5		47	145	42	38
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0															
	Chỉ ủy viên	705	2	25	678	151	2	93	282	287	29	2		145	531	71	72
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>266</b>	<b>1.222</b>	<b>315</b>	<b>43</b>	<b>338</b>	<b>625</b>	<b>526</b>	<b>101</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>274</b>	<b>1.036</b>	<b>219</b>	<b>213</b>
	Đảng	443	4	81	358	89	12	56	156	203	14	4		44	380	62	59
	Hành chính, Nhà nước	354	7	103	244	87	14	78	147	135	29	7		66	278	51	49
	Đoàn thể	68		4	64	7		12	23	25	4			21	54	8	8
	Lực lượng vũ trang	113		27	86	10		6	19	33	23			10	55	5	5
	Sự nghiệp công lập	26		6	20	21	10	21	22	23	9			13	12		
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	45		10	35	19		16	22	31	20			1	28	14	14
	Lĩnh vực khác	450	35	415	82	7	149	236	76	2				119	229	79	78
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>																
	Có vi phạm	1.062	198	864	232	18	144	455	425	43				200			
	Phải thi hành kỷ luật	233	56	177	58	14	53	100	88	18				36			
	Đã thi hành kỷ luật	227	52	175	57	14	53	93	88	18				38			



STT	Tổ chức đang được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Nội dung kiểm tra							Kết luận			
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Chấp hành các nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lối sống của cán bộ, đảng viên	Quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên	Công tác cán bộ	Khác	Tổ chức đảng có vi phạm	Phải thi hành kỷ luật	Trong đó	
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỲ 2015-2010</b>															
<b>I</b>	<b>Tổ chức đảng được kiểm tra</b>	626	0	3	98	525	249	167	388	15	28	12	99	532	26	26
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW	0														
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0														
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương	0														
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	0														
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0														
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương	0														
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0														
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	66	3	63		35	25	31	5	9	5	13	56	9	9	9
	Đảng ủy bộ phận	0														
	Chi bộ, Chi ủy	560	0	35	525	214	142	357	10	19	7	86	476	17	17	17
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)	0														
<b>II</b>	<b>Kết luận</b>															
	Tổ chức đảng có vi phạm	532	3	80	449	198	124	302	20	1	1	67				
	Phải thi hành kỷ luật	26		11	15	16	14	15	1	1	1	1				
	Đã thi hành kỷ luật	26		11	15	16	14	15	1	1	1	1				
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>															
<b>I</b>	<b>Tổ chức đảng được kiểm tra</b>	606	0	5	95	506	277	84	334	16	67	11	155	454	17	17
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW	0														
	Các CQ tham mưu của Trung ương	0														
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương	0														
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương	0														
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương	0														
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	77	3	74		44	14	24	6	10	6	20	57	5	5	5





STT	Tổ chức đang được kiểm tra	Cấp kiểm tra				Kết luận								
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Số không có chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát	Số chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ KTGS	Số chưa thực hiện nhiệm vụ tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	Số chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của UBKT	Chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan UBKT cấp dưới	Số vụ việc bị cấp kiểm tra rút hồ sơ để kiểm tra trực tiếp	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu: kiểm điểm; kiểm tra; giám sát	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu xem xét thi hành kỷ luật	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu hoàn thành kiểm tra, giám sát
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>													
1	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương						0							
2	UBKT tỉnh ủy và tương đương						0							
3	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương		12				12							
4	UBKT huyện ủy và tương đương		12				12							
5	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở			207			207							
6	UBKT đảng ủy cơ sở			202			202							
7	Đảng ủy bộ phận						0							
8	Chi bộ, Chi ủy			131			131	2.462						
							<b>2.593</b>							







**THÔNG KÊ GIÁM SÁT ĐẢNG VIÊN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP**  
(Giám sát theo chuyên đề)

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

Biểu 26

(ĐVT: Đảng viên)

STT	Đảng viên được giám sát	Tổng số đảng viên được giám sát				Cấp giám sát								Nội dung								Kết quả		
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT cấp cơ sở	Chấp hành Cương lĩnh chính trị, ĐLĐ, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình	Chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Lực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Về thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khả	Số đảng viên thực hiện tốt	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm	Số đảng viên chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18							
<b>A</b>	<b>NHIỆM KỲ 2010-2015</b>																							
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	<b>2.361</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>289</b>	<b>2.061</b>	<b>1.096</b>	<b>558</b>	<b>1.054</b>	<b>654</b>	<b>395</b>	<b>611</b>	<b>75</b>	<b>338</b>	<b>2.078</b>	<b>27</b>	<b>16</b>							
1	Trung ương																							
2	Cấp tỉnh và tương đương	11		11			11	11	11	11	11	11	11	11	11									
3	Cấp huyện và tương đương	239		239			113	32	123	60	16	44	27	27	230	9	5							
4	Cấp cơ sở	2.111		50	2.061		972	515	920	583	368	556	64	300	1.837	18	11							
<b>II</b>	<b>Cấp ủy viên các cấp</b>	<b>1.518</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>249</b>	<b>1.258</b>	<b>817</b>	<b>448</b>	<b>679</b>	<b>550</b>	<b>306</b>	<b>503</b>	<b>11</b>	<b>265</b>	<b>1.320</b>	<b>16</b>	<b>15</b>							
1	Ủy viên Trung ương	0																						
2	Tỉnh ủy viên và tương đương	4		4			4	4	4	4	4	4	4	4	4									
3	Trong đó: Bí thư	4		4			4	4	4	4	4	4	4	4	4									
4	Phó Bí thư	0																						
5	Huyện ủy viên và tương đương	24		7	17		20	13	14	13	10	11	7	9	22	2	1							
6	Trong đó: Bí thư	10		10			5		2					3	10									
7	Phó Bí thư	0																						
8	Đảng ủy viên	303		188	115		167	47	108	79	26	75	0	30	290	5	5							
9	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0																						
10	Chi ủy viên	1.187		44	1.143		626	384	553	454	266	413		222	1.004	9	9							
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	<b>2.361</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>290</b>	<b>2.060</b>	<b>980</b>	<b>558</b>	<b>1.088</b>	<b>676</b>	<b>395</b>	<b>611</b>	<b>75</b>	<b>338</b>	<b>2.073</b>	<b>27</b>	<b>17</b>							
1	Đảng	585		6	105	474	217	38	306	120	26	98	6	35	574	8	3							
2	Hành chính, Nhà nước	526		4	104	418	200	136	283	180	120	163	4	113	416	9	7							
3	Đoàn thể	168		1	2	165	53	23	63	43	6	15	1	41	164	4	1							
4	Lực lượng vũ trang	201		62	139		89	11	94	77	5	12	64	22	127									
5	Sự nghiệp công lập	89		5	84		89	89	89	89	89	89		14	14									
6	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	197		6	191		57	141	149	119	116	116		8	195	5	5							

STT	Đảng viên được giám sát	Cấp giám sát			Nội dung										Kết quả		
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh uỷ và tương đương	UBKT huyện uỷ và tương đương	UBKT cấp cơ sở	Chấp hành Cương lĩnh chính trị, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình	Chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên	Về thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp uỷ viên	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Số đảng viên thực hiện tốt	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm	Số đảng viên chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm		
7	Các lĩnh vực khác			6	589	275	120	104	48	33	118	105	583	1	1		
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỲ 2015-2020</b>																
<b>I</b>	<b>Cấp quản lý đảng viên</b>	0	12	250	2.197	1.291	450	1.195	855	392	636	230	2.200	9	9		
1	Trung ương																
2	Cấp tỉnh và tương đương	12				12	12	12	12	12	12	12	12				
3	Cấp huyện và tương đương	219		219		115	18	102	51	14	59	19	211				
4	Cấp cơ sở	2.228	31	31	2.197	1.164	420	1.081	792	366	565	199	1.977	9	9		
<b>II</b>	<b>Cấp uỷ viên các cấp</b>	2.081	0	239	1.830	1.152	425	983	748	358	548	215	1.803	6	6		
1	Ủy viên Trung ương	0															
2	Tỉnh uỷ viên và tương đương	4	4			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		
3	Trong đó: Bí thư	4	4			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		
4	Phó Bí thư	0															
5	Huyện uỷ viên và tương đương	31	5	26		12	7	15	7	7	17	9	29				
6	Trong đó: Bí thư	8	8			2		4					6				
7	Phó Bí thư	4	4					3			1		3				
8	Đảng uỷ viên	362	3	155	204	172	39	132	95	24	65	40	329				
9	Đảng uỷ viên đảng uỷ bộ phận	0															
10	Chỉ uỷ viên	1.684	58	58	1.626	964	375	832	642	323	462	162	1.441	6	6		
<b>III</b>	<b>Đảng viên ở các lĩnh vực</b>	2.445	0	12	2.183	1.290	449	1.194	854	391	635	230	2.186	9	9		
1	Đảng	608	4	104	500	369	32	197	152	20	74	4	599	4	4		
2	Hành chính, Nhà nước	592	6	94	492	332	196	307	297	179	302	15	473	4	4		
3	Đoàn thể	152	2	3	147	53	22	67	46	10	27	2	150	1	1		
4	Lực lượng vũ trang	182	28	28	154	98	7	93	87	4	17	16	144				
5	Sự nghiệp công lập	115	3	3	112	115	106	106	115	106	106	15	24				
6	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	91	11	11	80	66	49	46	50	42	43	5	91				
7	Các lĩnh vực khác	705	7	7	698	257	37	378	107	30	66	51	705				

STT	Đảng viên được giám sát	Cấp giám sát				Nội dung										Kết quả	
		Tổng số đảng viên được giám sát	UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT cấp cơ sở	Chấp hành Cương lĩnh chính trị, chấp hành Chương trình 5 năm, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, cấp ủy cấp trên và cấp mình	Chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Về thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số đảng viên thực hiện tốt	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm	Số đảng viên chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>																
I	Cấp quản lý đảng viên	2.247	0	16	264	1.967	1.015	386	1.035	681	317	515	65	388	1.839	8	8
1	Trung ương	0															
2	Cấp tỉnh và tương đương	16		16			16	16	16	16	16	16	16	16	16		
3	Cấp huyện và tương đương	203			203		103	17	56	28	16	36	45	31	182	4	4
4	Cấp cơ sở	2.028			61	1.967	896	353	963	637	285	463	4	341	1.641	4	4
II	Cấp ủy viên các cấp	1.560	0	15	245	1.300	817	265	712	542	228	363	51	248	1.420	8	8
1	Ủy viên Trung ương	0															
2	Tỉnh ủy viên và tương đương	3		3			3	3	3	3	3	3	3	3	3		
3	Trong đó: Bí thư	3		3			3	3	3	3	3	3	3	3	3		
4	Phó Bí thư	0															
5	Huyện ủy viên và tương đương	28		4	24		15	7	8	7	7	11	11	10	23		
6	Trong đó: Bí thư	9		9			5	1	1	1	1	2	2	1	9		
7	Phó Bí thư	0					0										
8	Đảng ủy viên	314		6	156	152	155	46	123	84	43	88	29	51	283	4	4
9	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	0															
10	Chi ủy viên	1.215		2	65	1.148	644	209	578	448	175	261	8	184	1.111	4	4
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	2.246	0	15	264	1.967	1.012	383	1.032	678	314	512	64	387	1.838	8	8
1	Đảng	594		5	92	497	356	31	161	129	16	44	16	36	585	3	3
2	Hành chính, Nhà nước	534		8	107	419	207	114	245	180	99	189	39	114	419	5	5
3	Đoàn thể	152		2	8	142	62	39	93	57	32	41	4	35	135		
4	Lực lượng vũ trang	186			24	162	75	16	98	75	15	25		73	118		
5	Sự nghiệp công lập	75			14	61	68	62	60	67	60	60	5	38	53		
6	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ	122			12	110	60	74	98	59	59	59			122		
7	Các lĩnh vực khác	583			7	576	184	47	277	111	33	94		91	406		

STT	<b>Đảng viên được giám sát</b>	<b>Tổng số đảng viên được giám sát</b>	<b>Cấp giám sát</b>	UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT cấp cơ sở	<b>Nội dung</b>	Chấp hành Cương lĩnh chính trị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác	Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.	Tru tượng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Về thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	<b>Kết quả</b>	Số đảng viên thực hiện tốt	Số đảng viên có vi phạm, kỷ luật	Số đảng viên chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	
<b>Đảng viên được giám sát</b>				<b>Tổng số đảng viên được giám sát</b>	UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương		UBKT cấp cơ sở	<b>Nội dung</b>	Chấp hành Cương lĩnh chính trị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác	Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.	Tru tượng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Về thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên		Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	<b>Kết quả</b>	Số đảng viên thực hiện tốt



STT	Tổ chức đảng được giám sát	Cấp giám sát				Nội dung								Kết quả		
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT cơ sở	Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, cương lĩnh chính trị, DLĐ, chủ trương, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên	Việc ban hành và tổ chức thực hiện quy chế làm việc	Việc chấp hành hành chính sách, pháp luật của NN	Việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước	Việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm	Công tác cán bộ	Khác	Số tổ chức đảng thực hiện tốt	Số tổ chức đảng có vi phạm, khuyết điểm	Số tổ chức đảng chuyên kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	
4	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương															
5	CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương															
6	Huyện ủy, BTV, TT huyện ủy và tương đương		6			6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
7	CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương															
8	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở		1	94	0	84	18	8	3	7	1	6	76			
9	Đảng ủy bộ phận															
10	Chi bộ, Chi ủy		0	38	1697	1333	484	389	204	252	21	148	1278	2	2	2
11	Khác (ban chỉ đạo, tiêu ban, hội đồng, tổ đảng...)															
<b>C</b>	<b>NHIỆM KỲ 2020-2025 (Tính đến 31/12/2023)</b>															
1	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương															
2	Các CQ tham mưu của Trung ương															
3	Tỉnh ủy, BTV, thường trực TU và tương đương															
4	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương															
5	CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương															
6	Huyện ủy, BTV, TT huyện ủy và tương đương		2			2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7	CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương															
8	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở		4	81	0	67	15	12	6	9	4	19	78	2	1	1
9	Đảng ủy bộ phận															
10	Chi bộ, Chi ủy		1	44	1131	939	220	219	62	167	8	186	964	2	2	2
11	Khác (ban chỉ đạo, tiêu ban, hội đồng, tổ đảng...)			0	17	17	17	17	0	17	0	0	17	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>125</b>	<b>1148</b>	<b>1025</b>	<b>254</b>	<b>250</b>	<b>70</b>	<b>195</b>	<b>14</b>	<b>207</b>	<b>1061</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>

THÔNG KÊ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

(kèm theo Báo cáo số 537-BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

STT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật				Cấp THKL				Nội dung vi phạm									Xử lý pháp luật						
		Khiến trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ	Đình chỉ sinh hoạt đảng	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy	UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Những điều đảng viên không được làm	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chỉnh sách, pháp luật của NN	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	Tham nhũng, cô ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác	Số lượng	Trong đó	Xử lý pháp luật khác		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
A	<b>NHIỆM KỶ 2010-2015</b>																								
I	Cấp quản lý đảng viên	418	121	98	4	195	119	1	0	1	406	0	179	16	65	96	62	48	13	0	151	135	109	26	4
	Trung ương																								
	Cấp tỉnh và tương đương																								
	Cấp huyện và tương đương	143	53	60	1	29	40			1	142		47	4	42	15	20	13	1	0	44	24	24		
	Cấp cơ sở	275	68	38	3	166	79	1			264		132	12	23	81	42	35	12	0	107	111	85	26	4
II	Là cấp ủy viên các cấp	119	73	35	3	8	2	1	0	1	141	0	57	1	27	21	15	13	3	0	40	9	7	2	3
	Tỉnh ủy viên và tương đương																								
	Huyện ủy viên và tương đương																								
	Đảng ủy viên	64	43	21			1	1		1	78		34	1	16	18	13	4	3	0	10	0	0		
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận	16	13	3							16		4								12	3	3	3	
	Chỉ ủy viên	39	17	11	3	8	1				47		19		11	3	2	9			18	6	4	2	
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	406	109	98	4	195	76	1	0	1	406	0	179	16	65	96	62	48	13	0	151	138	114	24	4
	Đảng	63	38	23	1	1	0	0			63		23	1	21	24	3	9	1		17	1	1		
	Hành chính, Nhà nước	103	33	30	1	39	24	1	1	1	102		59	7	24	5	18	24	4		47	14	14		
	Đoàn thể	13	7	5		1					13		8		1		5	2			4	0	0		
	Lực lượng vũ trang	5	1	1	1	2					6		3		0		1	1			3	1	1		
	Sự nghiệp công lập																								
	SXKD, dịch vụ	37	7	11		19	14				36		20			2	3	4	6		13	18	18		4
	Lĩnh vực khác	185	23	28	1	133	38				186		66	8	19	65	33	8	2		67	104	80	24	0







STT	Đảng viên bị thi hành kỷ luật	Hình thức kỷ luật				Tổng số đảng viên bị kỷ luật	Nội dung vi phạm										Xử lý pháp luật							
		Khai trừ	Cách chức	Cảnh cáo	Đình chỉ sinh hoạt đảng		Cấp THKL				Số lượng						Xử lý hành chính							
							UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Nhưng điều đảng viên không được làm	Tiền chuẩn đảng viên, tiền chuẩn cấp ủy viên	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của NN	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương		Tham nhũng, cổ ý làm trái	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân	Khác				
III	Đảng viên ở các lĩnh vực	141	30	1	156	35	3	0	33	254	33	139	41	79	147	91	60	11	0	106	123	105	18	1
	Đảng	21	3		14				1	29	8	5	1	6	8	11	1			15	13	13		
	Hành chính, Nhà nước	71	12		14	9	2		30	58	8	47	30	40	60	34	33	2		41	15	15		
	Đoàn thể	7	2		1				2	2	5	3	2	4	3	5	2			2	0			1
	Lực lượng vũ trang	4	0		2		1			3	3				3	1	1			3	1	1		
	Sự nghiệp công lập	0	0		1																			
	SXKD, dịch vụ	3			16	13				18	1	11			12	1	12	9		1	7	7		
	Lĩnh vực khác	35	13		104	13				144	8	73	8	29	61	39	11			44	87	69	18	
IV	Bị THKL từ nhiệm vụ	108	30	0	149	28	3	0	0	255	30	106	8	46	114	57	27	11	0	73	122	104	18	1
	Kiểm tra khi có DHVP	31	2		1	0	0	0	0	28	9	5	0	6	18	11	0	0	0	5	0	0	0	0
	Giải quyết tố cáo	1	1		0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm tra tài chính đảng (thu chi NSNN và SXKD)																							
	Kiểm tra tài chính đảng (thu nộp, quản lý sử dụng ĐP)																							
	Khác (từ đề nghị của TCD cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	76	27		148	28	3			226	20	100	8	40	96	46	26	11	0	68	122	104	18	1



















STT	Tổ chức đăng bị tố cáo	Cấp giải quyết				Nội dung tố cáo								Kết luận				
		UBKT Trung ương	UBKT tỉnh ủy và tương đương	UBKT huyện ủy và tương đương	UBKT đảng ủy cơ sở	Việc chấp hành Công lệnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng	Đoàn kết nội bộ	Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Công tác cán bộ	Khác	Không xem xét, giải quyết	Chưa có cơ sở kết luận	Tổ sai	Tổ đúng và đúng một phần	Tổ đúng, có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	Trong đó
II	Kết luận giải quyết tố cáo	3	0	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2		
	Không xem xét giải quyết	0																
	Chưa có cơ sở kết luận	0																
	Tổ sai	2		1	-1	1									1			
	Tổ đúng và đúng một phần	1		1	1										1			
	Đúng có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật	1		1	1										1			
	Phải thi hành kỷ luật	0																
	Đã thi hành kỷ luật	0																
	Giải quyết đúng thời gian quy định	2		2												2		













## THÔNG KÊ KIỂM TRA TÀI CHÍNH ĐẢNG (VỀ VIỆC THU, NỢP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẢNG PHÍ)

(kèm theo Báo cáo số 537- BC/TU ngày 12/3/2024 của Tỉnh ủy)

TT	Tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: đảng viên)				Tổng số đảng viên được kiểm tra	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	Cấp kiểm tra (ĐVT: TCD)				Số tổ chức đảng có vi phạm	Kết luận															
		UBKT Trung ương	UBKT cấp tỉnh	UBKT cấp huyện ủy	UBKT đảng ủy cơ sở			UBKT Trung ương	UBKT cấp tỉnh ủy	UBKT cấp huyện ủy	UBKT đảng ủy cơ sở		Số tiền vi phạm (ĐVT: triệu đồng)				Đang viên có vi phạm											
													Thu thừa	Tham ô, biến thu	Chi sai chế độ	Khác	Thu thiếu	Thu thừa	Xuất toán, thu hồi	Hạch toán lại	Giao đơn vị xử lý	Khác	Tổng số	Có vi phạm nhưng chưa đến mức phạt kỷ luật	Phạt thi hành kỷ luật	Phạt thi hành kỷ luật	Đã thi hành kỷ luật	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
<b>A</b>	<b>NHIỆM KỲ 2010-2015</b>																											
	Văn phòng Trung ương																											
	Tỉnh ủy, BTV cấp ủy tỉnh																											
	Cơ quan tài chính cấp ủy tỉnh																											
	Huyện ủy, BTV cấp ủy cấp huyện						17		17																			
	Cơ quan tài chính cấp huyện ủy						6		6																			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	8.338				8.338	411		411																			
	Chi bộ, đảng bộ trực thuộc, Chi ủy	27.394				2.754	4.333		4.333		3.882	14			106	40			66	0	66	0	40		4	1	3	3
<b>B</b>	<b>NHIỆM KỲ 2015-2020</b>																											
	Văn phòng Trung ương																											
	Tỉnh ủy, BTV cấp ủy tỉnh																											
	Cơ quan tài chính cấp ủy tỉnh																											
	Huyện ủy, BTV cấp ủy cấp huyện						14	0	14																			
	Cơ quan tài chính cấp huyện ủy	12					5		1	4																		
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	11.993					313		27	286																		
	Chi bộ, đảng bộ trực thuộc, Chi ủy	30.495				1.269	3.618		21	638	2.959				3										3	3		

